

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH
VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

**HOANG HUY INVESTMENT
FINANCIAL SERVICES JSC**

Số: 24 /2022/TCH-CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2022

Hai Phong, day 05 month 07 year 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: TCH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
- Điện thoại/ *Telephone*: 0225 3610 021
- Fax: 0225 3955 322
- Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Submitted by*: Bà Phùng Thị Thu Hương
Chức vụ/ *Position*: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):



Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy công bố thông tin Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và các tài liệu kèm theo.

Hoang Huy Investment Financial Services Joint Stock Company announced the Resolution, Minutes of the 2022 Annual General Meeting of Shareholders and attached documents.

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

.....
Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/07/2022 tại đường dẫn : <http://hoanghuy.vn/dai-hoi-co-dong/>

This information was disclosed on Company's Potral on date July 5, 2022 Available at: <http://hoanghuy.vn/dai-hoi-co-dong/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attachment:

- Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và các tài liệu kèm theo Resolution, Minutes of the 2022 Annual General Meeting of Shareholders and attached documents

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền Công bố thông tin



Phùng Thị Thu Hương



NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên cùng ngày.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tổ chức ngày 05/07/2022 tại địa điểm Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài Quận Lê Chân, TP Hải Phòng (địa điểm Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội) và các cổ đông tham gia trực tuyến. Tại thời điểm khai mạc Đại hội, số Cổ đông tham dự là: 78 cổ đông, đại diện cho 345.767.740 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 51,7449% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của toàn Công ty.

Đại hội đã nhất trí bầu:

Đoàn chủ tịch gồm các ông:

- | | |
|----------------------|--|
| 1. Ông Đỗ Hữu Hạ | - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HDQT), Chủ tọa |
| 2. Ông Vũ Trọng Long | - Thành viên HDQT, Thành viên |
| 3. Ông Đỗ Hữu Hậu | - Phó Tổng Giám đốc, Thành viên |

Ban thư ký gồm các ông/bà:

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Hải Yến | - Trưởng ban |
| 2. Bà Phan Thị Thu Hương | - Thành viên |

Sau khi nghe báo cáo và tiến hành thảo luận, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động của HDQT năm tài chính 2021 và định hướng hoạt động năm tài chính 2022

(Theo báo cáo số 01/2022/BC-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 2. Thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động năm tài chính

2021 và định hướng hoạt động năm tài chính 2022 của Công ty

(Theo báo cáo số 01/2022/BC-TGD của Ban Tổng Giám đốc ngày 14/06/2022)

Điều 3. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm tài chính 2021 và kế hoạch năm tài chính 2022

(Theo báo cáo số 01/2022/BC-BKS của Ban Kiểm soát ngày 14/06/2022).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2021

(Theo tờ trình số 02/2022/TT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 5. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm tài chính 2021

(Theo tờ trình số 03/2022/TT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 6. Thông qua Báo cáo về việc hoàn thành thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm tài chính 2021

(Theo tờ trình số 04/2022/BC-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 7. Thông qua hoạt động đầu tư, các hợp đồng và giao dịch với người có liên quan của Công ty

(Theo tờ trình số 05/2022/TT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 8. Thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty

(Theo tờ trình số 06/2022/TT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 9. Thông qua các quy chế hoạt động của Công ty

(Theo tờ trình số 07/2022/TT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 10. Thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty

(Theo tờ trình số 08/2022/TT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 11. Thông qua tờ trình về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022

(Theo Tờ trình số 02/2022/TT-BKS của BKS ngày 14/06/2022)

Điều 12. Thông qua Tờ trình về thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc

(Theo tờ trình số 09/2022/TT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

Điều 13. Thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026

(Theo tờ trình số 10/2022/TT-HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)



Điều 14. Thông qua bầu 05 thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2022-2026 gồm các ông/bà có tên sau:

1. Ông: Đỗ Hữu Hạ - Thành viên Hội đồng quản trị
2. Ông: Đỗ Hữu Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị
3. Bà: Nguyễn Thị Hà - Thành viên Hội đồng quản trị
4. Bà: Phạm Hồng Dung - Thành viên Hội đồng quản trị
5. Bà: Phan Thị Phương Thủy - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này gồm 03 trang, có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo Công ty thực hiện các nội dung của bản Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UBCKNN, HOSE, Website;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu TH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY
Trụ sở chính: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Điện thoại: 0225 3610 021 **Fax:** 0225 3955 322
Giấy ĐKKD số: Giấy CNĐKDN số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hải Phòng cấp ngày 25/12/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27/01/2022
Thời gian tổ chức: Từ 8h30 ngày 05 tháng 07 năm 2022

Địa điểm đoàn chủ tịch điều hành đại hội: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

I. PHẦN KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Tuyên bố lý do

Đại diện Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do triệu tập cuộc họp: Căn cứ Điều lệ Công ty và Luật pháp hiện hành, HĐQT Công ty cổ phần đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 (“Đại hội”) để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Ban tổ chức thông báo Đại hội được tổ chức và hoạt động theo hình thức họp trực tuyến.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Đại hội đã nghe bà Vũ Thị Huyền - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, Tại thời điểm 8h30 ngày 05 tháng 07 năm 2022, như sau:

Tổng số cổ đông của Công ty theo danh sách chốt quyền ngày 06/06/2022 là: 49.423 cổ đông

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty là: 668.215.843 cổ phần. (Sáu trăm sáu mươi tám triệu hai trăm mười lăm nghìn tám trăm bốn mươi ba cổ phần).

Tổng số cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội tại thời điểm khai mạc đại hội là: 78 người, đại diện cho 345.767.740 cổ phần, chiếm 51,7449% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

3. Đại hội thông qua bầu Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu, nội dung Đại hội và Quy chế Đại hội, như sau:

3.1 Thông qua danh sách Ban chủ tọa Đại hội

- 1) Ông Đỗ Hữu Hạ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT), Chủ tọa
- 2) Ông Vũ Trọng Long - Thành viên HĐQT, Thành viên
- 3) Ông Đỗ Hữu Hậu - Phó Tổng Giám đốc, Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 99,9873% tán thành.

3.2 Thông qua danh sách Ban thư ký Đại hội

- 1) Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Trưởng ban
- 2) Bà Phan Thị Thu Hương - Thành viên



Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 99,9946% tán thành.

3.3 Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu Đại hội

Ban kiểm phiếu:

- 1) Phạm Thị Duyên
- 2) Đào Hải Vân
- 3) Đinh Phương Chinh

Giám sát kiểm phiếu

- 1) Nguyễn Thị Tươi - Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng ban
- 2) Nguyễn Thế Hùng - Phó Tổng Giám đốc, Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 99,994% tán thành.

3.4 Thông qua quy chế tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 99,994% tán thành.

3.5 Thông qua Chương trình Đại hội

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 99,9946% tán thành.

3.6 Thông qua Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 99,9939% tán thành.

II. PHẦN NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm tài chính 2021 và định hướng hoạt động năm tài chính 2022

(Theo báo cáo số 01/2022/BC-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động năm tài chính 2021 và định hướng hoạt động năm tài chính 2022 của Công ty

(Theo báo cáo số 01/2022/BC-TGD của Ban Tổng Giám đốc ngày 14/06/2022)

3. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm tài chính 2021 và kế hoạch năm tài chính 2022

(Theo báo cáo số 01/2022/BC-BKS của Ban Kiểm soát ngày 14/06/2022).

4. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2021

(Theo tờ trình số 02/2022/TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

5. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm tài chính 2021

(Theo tờ trình số 03/2022/TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

6. Báo cáo về việc hoàn thành thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm tài chính 2021

(Theo tờ trình số 04/2022/BC-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

7. Thông qua hoạt động đầu tư, các hợp đồng và giao dịch với người có liên quan của Công ty

(Theo tờ trình số 05/2022/TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

8. Thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty

(Theo tờ trình số 06/2022/TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

9. Thông qua các quy chế hoạt động của Công ty

(Theo tờ trình số 07/2022/TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

10. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty

(Theo tờ trình số 08/2022/TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

11. Tờ trình về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022

(Theo Tờ trình số 02/2022/TT-BKS của BKS ngày 14/06/2022)

12. Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc

(Theo tờ trình số 09/2022/TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

13. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026

(Theo tờ trình số 10/2022/TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/06/2022)

14. Thông qua Danh sách ứng viên Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026

15. Tiến hành bầu 05 thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2022-2026

III. PHÂN THẢO LUẬN CỦA ĐẠI HỘI

Các cổ đông cùng Ban lãnh đạo Công ty đã sôi nổi thảo luận qua đó nhất trí cao với định hướng hoạt động cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

IV. ĐẠI HỘI THỰC HIỆN BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm tài chính 2021 và kế hoạch năm tài chính 2022

Hợp lệ: 137 cổ đông đại diện cho 364.485.592 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 101 Cổ đông, đại diện cho 343.578.353 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 94,2639% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 21 Cổ đông, đại diện cho 19.188.542 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 5,2646% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 15 Cổ đông, đại diện cho 1.718.697 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,4715% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm tài chính 2021 và kế hoạch năm tài chính 2022

Hợp lệ: 137 cổ đông đại diện cho 364.485.592 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 98 Cổ đông, đại diện cho 343.548.409 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 94,2557% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 21 Cổ đông, đại diện cho 19.215.530 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 5,272% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 18 Cổ đông, đại diện cho 1.721.653 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,4724% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm tài chính 2021 và kế hoạch năm tài chính 2022

Hợp lệ: 137 cổ đông đại diện cho 364.485.592 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 98 Cổ đông, đại diện cho 343.575.397 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 94,2631% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 21 Cổ đông, đại diện cho 19.188.542 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 5,2646% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 18 Cổ đông, đại diện cho 1.721.653 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,4724% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm tài chính 2021 đã được kiểm toán

Hợp lệ: 136 cổ đông đại diện cho 364.493.199 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 103 Cổ đông, đại diện cho 343.715.286 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 94,2995% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 18 Cổ đông, đại diện cho 19.176.808 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 5,2612% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 15 Cổ đông, đại diện cho 1.601.105 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,4393% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

5. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm tài chính 2021

Hợp lệ: 137 cổ đông đại diện cho 364.642.073 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 107 Cổ đông, đại diện cho 361.626.051 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 99,1729% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 16 Cổ đông, đại diện cho 2.260.213 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,6198% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 14 Cổ đông, đại diện cho 755.809 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,2073% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

6. Báo cáo về việc hoàn thành thay đổi sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021

Hợp lệ: 135 cổ đông đại diện cho 364.484.070 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 100 Cổ đông, đại diện cho 361.560.607 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 99,1979% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 14 Cổ đông, đại diện cho 1.114.097 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,3057% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 21 Cổ đông, đại diện cho 1.809.366 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,4964% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

7. Tờ trình hoạt động đầu tư, các hợp đồng và giao dịch với người có liên quan của Công ty

Hợp lệ: 133 cổ đông đại diện cho 100.581.076 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 86 Cổ đông, đại diện cho 75.483.546 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 75,0475% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 26 Cổ đông, đại diện cho 23.068.791 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 22,9355% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 21 Cổ đông, đại diện cho 2.028.739 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 2,017% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Các cổ đông có lợi ích liên quan không được biểu quyết nội dung “**Tờ trình hoạt động đầu tư, các hợp đồng và giao dịch với người có liên quan của Công ty**”. Các cổ đông không được biểu quyết gồm:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Số phiếu biểu quyết
1	Trần Thị Như Quỳnh	1.782.007	1.782.007
2	Đỗ Hữu Hạ	262.120.987	262.120.987
3	Phạm Thị Minh Trang	1.500	1.500
	TỔNG	263.904.494	263.904.494

8. Tờ trình thông qua điều lệ sửa đổi bổ sung

Hợp lệ: 135 cổ đông đại diện cho 364.484.070 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 97 Cổ đông, đại diện cho 340.839.160 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 93,5128% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 20 Cổ đông, đại diện cho 22.993.244 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 6,3084% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 18 Cổ đông, đại diện cho 651.666 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,1788% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

9. Tờ trình thông qua các quy chế hoạt động của Công ty

Hợp lệ: 134 cổ đông đại diện cho 364.483.422 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 98 Cổ đông, đại diện cho 340.779.373 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 93,4965% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 20 Cổ đông, đại diện cho 22.993.244 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 6,3084% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 16 Cổ đông, đại diện cho 710.805 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,195% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

10. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty

Hợp lệ: 135 cổ đông đại diện cho 364.484.070 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 99 Cổ đông, đại diện cho 344.633.757 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 94,5539% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 19 Cổ đông, đại diện cho 19.211.808 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 5,271% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 17 Cổ đông, đại diện cho 638.505 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,1752% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

11. Tờ trình đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022

Hợp lệ: 135 cổ đông đại diện cho 364.484.070 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 105 Cổ đông, đại diện cho 353.426.144 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 96,9661% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 13 Cổ đông, đại diện cho 6.645.185 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 1,8232% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 17 Cổ đông, đại diện cho 4.412.741 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 1,2107% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

12. Tờ trình về thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc

Hợp lệ: 135 Cổ đông đại diện cho 364.484.070 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 Cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 109 Cổ đông, đại diện cho 362.838.228 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 99,5484% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 10 Cổ đông, đại diện cho 1.087.237 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,2983% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 16 Cổ đông, đại diện cho 558.605 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,1533% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

13. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026

Hợp lệ: 135 cổ đông đại diện cho 364.484.070 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 102 Cổ đông, đại diện cho 344.785.509 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 94,5955% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 19 Cổ đông, đại diện cho 19.177.456 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 5,2615% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 14 Cổ đông, đại diện cho 521.105 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,143% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

14. Thông qua Danh sách ứng viên Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026

Hợp lệ: 135 cổ đông đại diện cho 364.484.070 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Không hợp lệ: 0 cổ đông đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

Tán thành: 103 Cổ đông, đại diện cho 344.783.857 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 94,595% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không tán thành: 18 Cổ đông, đại diện cho 19.176.808 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 5,2614% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Không có ý kiến: 14 Cổ đông, đại diện cho 523.405 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 0,1436% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

15. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026

STT	Ứng viên được bầu vào HĐQT	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %/tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội	Kết quả
1.	Ông Đỗ Hữu Hạ	328.978.621	101,5466%	Trúng cử
2.	Ông Đỗ Hữu Hưng	321.452.294	99,2235%	Trúng cử

3.	Bà Nguyễn Thị Hà	321.464.865	99,2274%	Trúng cử
4.	Bà Phạm Hồng Dung	320.711.761	98,9949%	Trúng cử
5.	Bà Phan Thị Phương Thủy	324.788.212	100,2532%	Trúng cử

V. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Đại diện Ban Thư ký Đại hội thực hiện đọc Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2022.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua toàn văn Biên bản với số phiếu tán thành là 363.577.323 phiếu tương ứng 99,5044% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông với số phiếu tán thành là 363.402.123 phiếu tương ứng 99,4701% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được lập hồi 10 giờ 45 phút ngày 05 tháng 07 năm 2022

VI. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy bế mạc vào hồi 11 giờ 15 phút ngày 05 tháng 07 năm 2022.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Nguyễn Thị Hải Yến



CTCP
*
HUY

QUY CHẾ TỔ CHỨC
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Đại hội” hoặc “ĐHĐCĐ”) bằng hình thức Đại hội trực tuyến và biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội trực tuyến.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. **Công ty hoặc TCH:** Là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (Mã chứng khoán: TCH).
2. **Cổ đông:** Là người sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy, có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHCĐ chốt ngày: 06/06/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp hoặc là người được cổ đông ủy quyền hợp lệ và đã được Công ty cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
3. **Đại hội trực tuyến:** Là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
4. **Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến:** Bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi Chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến bằng Tài khoản truy cập đã được TCH cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.
5. **Bỏ phiếu điện tử:** Là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.
6. **Hệ thống trực tuyến:** Là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.
7. **Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến:** Là việc cổ đông sử dụng một kênh thông tin phù hợp thông báo cho Công ty về việc mình hoặc đại diện của mình sẽ thực hiện tham dự Đại hội.
8. **Thông tin đăng nhập:** Bao gồm Tên đăng nhập (Username/ID) và mật khẩu (Password) trong Thư mời họp hoặc mã OTP được gửi vào số điện thoại của cổ đông hoặc số điện thoại của người được ủy quyền. Mật khẩu và mã OTP được Công ty cung cấp duy nhất cho từng cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền tại Thư mời họp hoặc số điện thoại của cổ đông, người được cổ đông ủy quyền.



9. **Thời gian mở Hệ thống trực tuyến:** Là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu của Đại hội. Thời gian biểu quyết các nội dung của Đại hội thực hiện theo quy định của Ban Tổ chức Đại hội.
10. **Thời gian mở cổng biểu quyết:** Là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể thực hiện biểu quyết các nội dung cần biểu quyết của Đại hội.
11. **Thời gian đóng cửa Hệ thống/đóng cổng biểu quyết:** Là thời điểm Hệ thống trực tuyến đóng truy cập, khóa biểu quyết, ... theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội.
12. **Các từ viết tắt có ý nghĩa như sau:** ĐHĐCĐ/Đại hội, Đại hội đồng cổ đông; HĐQT: Hội đồng quản trị; BKS: Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền hợp lệ cho người khác tham dự Đại hội và đã được Công ty cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 4. Các hình thức tham dự Đại hội

Cổ đông được coi là tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thư mời họp.
2. Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là tham dự và biểu quyết tại Đại hội nếu Cổ đông đã hoàn thành việc đăng nhập bằng Tên đăng nhập (Username) và mật khẩu/mã OTP do Công ty cung cấp.
3. Ban Tổ chức Đại hội thực hiện mở cửa Hệ thống trực tuyến để cổ đông có thể truy cập Hệ thống, xem tài liệu, biểu quyết trước 02 (hai) ngày tính đến ngày dự kiến khai mạc Đại hội.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Quyền của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:

- a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- b. Cổ đông thực hiện tham dự Đại hội trực tuyến thì thực hiện đăng nhập vào hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: tch.bvote.vn để tham dự Đại hội và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội. Cổ đông có thể đăng nhập thông qua các hình thức sau:
 - Dùng mã đăng nhập (ID) và mã OTP để đăng nhập vào hệ thống;
 - Dùng mã đăng nhập (ID) và mật khẩu trong Thư mời để đăng nhập vào hệ thống.
- ✓ Mã đăng nhập (ID) của cổ đông là: Số giấy chứng minh nhân dân; Số thẻ căn cước công dân; Mã số doanh nghiệp; Mã số nhà đầu tư nước ngoài.
- ✓ Sau khi cổ đông đăng nhập vào hệ thống thì mã OTP được gửi vào số điện thoại của cổ đông hoặc số điện thoại của người được ủy quyền.
- ✓ Trường hợp cổ đông thay đổi số điện thoại thì liên hệ với Công ty để cập nhật số điện thoại mới.
- ✓ Trường hợp cổ đông thay đổi thông tin cá nhân thì liên hệ với Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản để cập nhật. Đối với cổ đông chưa lưu ký thì liên hệ với Công ty để cập nhật.

- ✓ Mật khẩu: Được thông báo cho cổ đông tại Thư mời họp.
- c. Cổ đông và đại diện cổ đông có quyền tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng, biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.
- d. Trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này có thể được thực hiện trực tuyến trên Hệ thống đồng đồng thời cổ đông hoàn thiện Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty. Khi cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng Giấy ủy quyền thì thực hiện theo quy định sau đây:

- Đối với cổ đông là cá nhân, văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Đối với cổ đông là tổ chức, văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đứng đầu tổ chức/người đại diện theo pháp luật của tổ chức, đóng dấu của tổ chức, họ tên người ký và chữ ký của người được ủy quyền dự họp.
- Theo đó, với đại diện được ủy quyền, nếu bên được ủy quyền không phải cổ đông của TCH, sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ, TCH sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên được ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. TCH cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền qua thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về TCH. Người được ủy quyền tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này, chịu sự điều khiển của Chủ tọa đoàn và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.
- Trường hợp người được ủy quyền là cổ đông của Công ty thì sau khi bên ủy quyền hoàn tất thủ tục ủy quyền, số lượng cổ phần của bên ủy quyền sẽ được cộng dồn vào số cổ phần của bên nhận ủy quyền khi tham dự Đại hội. Bên nhận ủy quyền có quyền biểu quyết theo tổng số cổ phần hoặc biểu quyết theo từng số cổ phần mà mình nhận ủy quyền.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền:

- a. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.
- b. Trang phục của cổ đông, đại biểu đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.
- c. Cổ đông tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến có nghĩa vụ:
 - Chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
 - Tham dự, thực hiện biểu quyết đầy đủ các nội dung, chương trình của Đại hội.
 - Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập mà Công ty cung cấp cho cổ đông theo Thư mời họp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại khoản này tương tự như cổ đông.
 - Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.
 - Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

- *Nghiêm túc chấp hành Quy chế tổ chức Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.*

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Ban Tổ chức Đại hội cử. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền tham dự Đại hội; Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
2. Phương thức kiểm tra: Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản của các cổ đông để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.
3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 7. Ban Chủ tọa và Chủ tọa Đại hội

1. Ban Chủ tọa Đại hội do Đại hội biểu quyết thông qua gồm Chủ tọa Đại hội và một số ủy viên, có chức năng điều khiển Đại hội.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa:
 - a. Điều hành các hoạt động của phiên họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để phiên họp Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp, giới thiệu để Đại hội bầu chọn Ban kiểm phiếu;
 - c. Hướng dẫn việc thảo luận tại phiên họp;
 - d. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - e. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.
3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
4. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ đã được thông qua) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
 - b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng ban và một số thành viên do Ban Chủ tọa chỉ định.
2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa như: Ghi chép Biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội; tiếp nhận các ý kiến đóng góp, thảo luận của cổ đông và chuyển cho Ban chủ tọa Đại hội để Ban chủ tọa phản hồi cho các cổ đông.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên và do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Ban Chủ tọa.
2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Hướng dẫn cho cổ đông cách thức đăng nhập, biểu quyết, bầu cử tại Đại hội trực tuyến.
 - b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến

thông qua tại Đại hội;

- c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tịch đoàn kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội;
- d. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông;
- e. Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử trước Đại hội;
- f. Bàn giao Biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa hoặc Thư ký Đại hội;
- g. Cùng Ban Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- h. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết, theo danh sách chốt quyền của VSD. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

Điều 11. Cách thức tiến hành và trật tự Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong 1/2 ngày.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông tham dự dùng thiết bị đầu cuối phải đảm bảo kết nối internet trong thời gian tham gia Đại hội và chỉ mở micro khi được mời phát biểu.

Điều 12. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung họp của Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phần khai mạc và phải xác định rõ thời gian đối với từng nội dung trong cuộc họp.
2. Trường hợp trong quá trình tổ chức cuộc họp nếu Chủ tọa có đề xuất thay đổi chương trình và nội dung họp, các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

Điều 13. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông.
2. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Ban Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến bằng hình thức thảo luận, chất vấn trực tuyến và được sự đồng ý của Ban Chủ tọa hoặc gửi câu hỏi gửi cho Ban Chủ tọa Đại hội thông qua hệ thống trực tuyến. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời từng cổ đông trình bày ý kiến của mình theo nội dung thảo luận.
3. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.
4. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 3 phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội sẽ ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời gian sớm nhất.

Điều 14. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Việc thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với các báo cáo, tờ trình tại Đại hội được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, thì nội dung được thông qua khi có ít nhất 65% số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham gia biểu quyết tán thành.
2. Các nội dung còn lại được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham gia biểu quyết tán thành.
3. Tỷ lệ của các phương án biểu quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của các cổ đông tham gia biểu quyết theo từng nội dung. Các cổ đông tham dự Đại hội nhưng không tham gia biểu quyết (*có thể không tham gia biểu quyết toàn bộ hoặc không tham gia biểu quyết một hay nhiều nội dung*) thì số cổ phần của cổ đông đó không được tính vào tổng số phiếu tham gia biểu quyết và không được kiểm phiếu tại nội dung không tham gia biểu quyết đó.

Điều 15. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung tại phiên họp ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Thời điểm biểu quyết:
 - a. Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử được thực hiện trước hai ngày tính đến ngày khai mạc Đại hội, tức là **từ 8 giờ 30 ngày 03/07/2022** đến khi Ban Chủ tọa thông báo kết thúc việc bỏ phiếu.
 - b. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ diễn ra và/hoặc tại ĐHĐCĐ. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm mở cửa hệ thống đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết theo thông báo của Ban Chủ tọa.

2. Cách thức biểu quyết:

Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Quy chế này. Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thư mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn truy cập được đăng tải trên website của Công ty.

3. Phương thức biểu quyết:

- a. Phương thức biểu quyết thông qua các thủ tục khai mạc Đại hội, các Báo cáo và Tờ trình, Biên bản và Nghị quyết Đại hội:
 - Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông quyết định biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung và nhấn nút “Gửi biểu quyết” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống. Phương thức biểu quyết này dùng để thông qua Ban Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu, Quy chế Tổ chức Đại hội, các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội, Nghị quyết và Biên bản Đại hội, và các nội dung khác.
 - Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông không thể thay đổi kết quả biểu quyết sau khi đã gửi thành công lên Hệ thống. Đối với các nội dung biểu quyết thay đổi hoặc phát sinh trong thời gian tổ chức Đại hội, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết lại/biểu quyết bổ sung cho những nội dung thay đổi, phát sinh đó. Trường hợp cổ đông không thể thực hiện việc biểu quyết lại/biểu quyết bổ sung thì nội dung thay đổi đó được coi là cổ đông không tham gia biểu quyết.
- b. Phương thức biểu quyết bầu cử (bầu dồn phiếu):
 - Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông quyết định biểu quyết bằng hình thức nhập vào số phiếu bầu cho mỗi ứng cử viên tương ứng hoặc bấm vào bầu đều để chia đều tổng số phiếu có thể bầu của từng cổ đông cho các ứng viên. (Tổng số phiếu có thể bầu = Tổng số cổ phần cổ đông nắm giữ hoặc đại diện * Số thành viên được bầu).
 - Tổng số phiếu bầu nhập ở mỗi ô phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu có thể bầu. Trường hợp cổ đông

không chọn số phiếu nào, hệ thống sẽ ghi nhận biểu quyết nội dung đó là "0 phiếu".

4. Các quy định khác về biểu quyết:
 - a. Kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông là tổng hợp kết quả biểu quyết được ghi nhận tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Chủ tọa thông báo tại ĐHĐCĐ. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông không thể thực hiện biểu quyết đối với nội dung đã bị khóa. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
 - b. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết đối với từng nội dung do Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.
 - c. Khi điều hành Đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về các địa chỉ hỗ trợ nêu tại Thư mời họp để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống là kết quả cuối cùng và Công ty được miễn trừ trách nhiệm về kết quả biểu quyết của cổ đông khi cổ đông đã đăng nhập hợp lệ và biểu quyết trên Hệ thống.
 - d. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông có tham gia biểu quyết, có chọn phương án biểu quyết và hoàn thành việc gửi lên Hệ thống trực tuyến. Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ của từng nội dung.
 - e. Trường hợp cổ đông đăng nhập thành công để tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không lựa chọn ý kiến nào (*không đánh dấu chọn vào ô nào*), Hệ thống sẽ ghi nhận là cổ đông không tham gia biểu quyết của nội dung đó.

Điều 16. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
- b. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - a. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham gia biểu quyết, phụ lục danh sách cổ đông, đại diện cổ đông tham gia biểu quyết với số phiếu tương ứng;
 - b. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết;
 - c. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - d. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và Thư ký Đại hội phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi Biên bản.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, thì việc triệu tập lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 6 Chương, 18 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
3. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Kính thưa: Quý Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin báo cáo tới Quý vị cổ đông những đánh giá tổng quát đối với từng lĩnh vực hoạt động của công ty cũng như chi tiết hoạt động của HĐQT trong năm 2021 và định hướng kế hoạch năm 2022.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 hàng năm và kết thúc vào 31/03 năm sau đó.

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị hiệu quả

HĐQT hiện tại có 06 thành viên. Các thành viên HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc đã tích cực phối hợp làm việc để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau:

- ✓ Quản trị các hoạt động chiến lược trong năm 2021
 - Đảm bảo hoạt động kinh doanh xe tải duy trì tốt trong bối cảnh chung ngành có nhiều biến động. Không chỉ phân phối xe, hoạt động dịch vụ sau bán hàng như bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp linh kiện, phụ tùng theo xe tiếp tục được thực hiện tốt, hài lòng khách hàng.
 - Tập trung thúc đẩy tiến độ đầu tư các dự án bất động sản của công ty tại Hà Nội và Hải Phòng. Triển khai các dự án đồng bộ và hiệu quả, an toàn, đảm bảo đạt và vượt tiến độ theo cam kết và kế hoạch đặt ra.
 - Đảm bảo nguồn vốn, duy trì năng lực tài chính triển khai đồng bộ nhiều dự án đầu tư trong năm và tương lai.
- ✓ Hỗ trợ công tác quản trị điều hành.

HĐQT đánh giá trong năm 2021 vừa qua Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ quy định. Ban Tổng Giám đốc đã cùng các cán bộ quản lý các cấp có nhiều nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh của Công ty. Kết quả thực hiện các công việc được ĐHCĐ và HĐQT chỉ đạo như sau:

- Công tác điều hành kinh doanh: Duy trì tốt cả hai lĩnh vực cốt lõi của công ty là đầu tư phát triển các dự án bất động sản và kinh doanh ô tô.
- Chỉ đạo tổ chức thành công các sự kiện của công ty như các kỳ Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021, sự kiện ký kết các thỏa thuận hợp tác với đối tác lớn, các chương trình sơ kết, tổng kết năm để phân giao kế hoạch kinh doanh.
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỉ lệ 5%, thưởng cổ phiếu tỷ lệ 25:2.

✓ Báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Phân công nhiệm vụ và báo cáo kết quả hoạt động của từng TV.HĐQT trong năm 2021
1	Ông Đỗ Hữu Hạ - Chủ tịch HĐQT	Phụ trách chung các hoạt động của Hội đồng Quản trị. Phụ trách mảng chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.



TT	Thành viên HĐQT	Phân công nhiệm vụ và báo cáo kết quả hoạt động của từng TV.HĐQT trong năm 2021
2	Bà Nguyễn Thị Hà – Thành viên HĐQT	Phụ trách và thực hiện tốt các hoạt động về tài liệu, cuộc họp, công tác thư ký của Hội đồng Quản trị. Mọi công tác về văn bản, tài liệu, pháp lý... đều được hoàn thiện đầy đủ, lưu trữ khoa học.
3	Ông Vũ Trọng Long – Thành viên độc lập HĐQT	Hoàn thành các hoạt động theo chức năng và phân công của HĐQT trong phạm vi các định hướng phát triển kinh doanh gồm nghiên cứu thị trường, kế hoạch kinh doanh.
4	Bà Phạm Hồng Dung – Thành viên HĐQT	Phụ trách và hỗ trợ tốt công tác về tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định.
5	Ông Đỗ Hữu Hưng – Thành viên HĐQT	Phụ trách và hỗ trợ tích cực cho HĐQT cũng như Ban Tổng Giám đốc trong công tác đầu tư xây dựng các dự án, tham gia chỉ đạo điều hành hoạt động phân phối xe tải.
6	Bà Phan Thị Phương Thủy – Thành viên độc lập HĐQT	Phụ trách về công tác giám sát đầy đủ các hoạt động của Hội đồng Quản trị liên quan tới các phát sinh để đảm bảo không xảy ra xung đột lợi ích, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi mặt hoạt động của Công ty.

✓ Thực hiện đầy đủ chế độ thù lao của HĐQT theo mức đã được phê duyệt

2. Kết quả kinh doanh năm 2021

Kết thúc năm 2021, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.756 tỷ đồng, giảm 37,7% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 816,2 tỷ đồng, giảm 36,1% so với cùng kỳ.

Đơn vị: tỷ đồng

Các chỉ tiêu	2021	2020	+/- (%)
	(01/04/21- 31/03/22)	(01/04/20- 31/03/21)	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.755,9	4.423,3	-37,7%
Lợi nhuận gộp	647,0	1.161,2	-44,3%
Doanh thu tài chính	327,2	281,6	+16,2%
Chi phí tài chính	18,1	66,7	-72,9%
Chi phí quản lý	78,9	54,5	+44,8%
Lợi nhuận trước thuế	816,2	1.278,1	-36,1%
Lợi nhuận sau thuế	609,3	1.035,3	-41,2%

Ghi chú: Niên độ kế toán từ 1/4/2021-31/3/2022

III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

1. Mục tiêu tổng quát trong hoạt động quản trị điều hành

- ✓ Tập trung chỉ đạo điều hành quá trình đầu tư xây dựng các dự án bất động sản và triển khai tốt hoạt động quản lý vận hành các dự án sau bán hàng của công ty một cách đồng bộ. Khẳng định và nâng tầm thương hiệu bất động sản của công ty trên thị trường.
- ✓ Duy trì tốt hoạt động phân phối xe đầu kéo Mỹ của TCH và các thương hiệu khác như DongFeng của công ty con, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ

sau bán hàng. Khăng định thương hiệu luôn là đơn vị uy tín, chất lượng hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh xe tải trong cả nước.

2. Các giải pháp chỉ đạo điều hành cụ thể đối với Ban Tổng Giám đốc

- ✓ Chú trọng và thường xuyên theo dõi, kiểm tra và đánh giá chất lượng, hiệu quả từng lĩnh vực kinh doanh, từng dự án.
- ✓ Lập kế hoạch và triển khai nhiều giải pháp tốt trong đầu tư quy mô lớn các dự án bất động sản của Công ty cũng như duy trì hoạt động thương mại, phân phối xe tải.
- ✓ Phát huy vị thế của doanh nghiệp trên thị trường trong nước và quốc tế trong mọi lĩnh vực kinh doanh. Hợp tác, liên kết với các đối tác, tổ chức tài chính thực hiện các chương trình huy động các nguồn vốn để mở rộng phát triển hoạt động kinh doanh, đặc biệt các nguồn vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài.

IV. ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI 2022-2025

Hội đồng Quản trị chỉ đạo và yêu cầu Ban Tổng Giám đốc xác định giai đoạn 2022-2025 sẽ là giai đoạn đặc biệt quan trọng trong xu thế mở rộng, phát triển của công ty.

Từ việc mới triển khai các dự án quy mô vừa và lớn trong 3-4 năm trở lại đây như cụm chung cư N1, N2 Lê Lợi, HH1, HH2 và HH3, HH3 Đồng Quốc Bình, dự án Pruksa Town, dự án nhà ở xã hội An Đồng, Hoang Huy Riverside, Hoang Huy Mall, Hoang Huy Grand Tower, Hoang Huy New City, dự án Golden Land Building .v.v.

Với quy mô chỉ vài hecta, tổng mức đầu tư dưới 3.000 tỷ, thì hiện nay công ty bắt đầu bước vào giai đoạn phát triển mới với việc đồng loạt triển khai các dự án quy mô lớn và rất lớn như Hoang Huy Commerce (diện tích gần 3ha, tổng mức đầu tư xấp xỉ 5.000 tỷ đồng), Hoang Huy Green River (diện tích trên 70ha, tổng mức đầu tư khoảng 14.000 tỷ đồng).v.v. và nhiều dự án quy mô lớn khác.

Trên đây là nội dung báo cáo các hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động trong năm 2022.

Trân trọng báo cáo./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Hữu Hạ



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Kính thưa: Quý Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Thay mặt Ban điều hành, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông những kết quả đạt được năm tài chính 2021 và kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2022 của CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) như sau:

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021

Năm tài chính 2021 nhờ sự chỉ đạo và hỗ trợ sát sao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo điều hành các lĩnh vực kinh doanh của Công ty vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Trong năm 2021, Do làn sóng đầu tư FDI mới tại Việt Nam, Các doanh nghiệp FDI xúc tiến kế hoạch di chuyển nhiều nhà máy từ quốc gia khác về Việt Nam làm cho nhu cầu các ngành vận tải tăng dẫn đến doanh thu bán xe đầu kéo tăng trưởng tốt.

Cũng trong năm 2021, các dự án bất động sản của công ty đã hoàn thiện tương đối và bàn giao nhiều sản phẩm cho khách hàng. Do đó, trong năm 2021, Công ty đã ghi nhận doanh thu và lợi nhuận khá từ bất động sản.

Kết thúc năm 2021, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.756 tỷ đồng, đạt 68,9% chỉ tiêu kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 816,2 tỷ đồng, đạt 63,52% so với con số kế hoạch năm 2021.

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

Các chỉ tiêu hợp nhất	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	%TH 2021/ KH 2021
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.756	4.000	68,9%
Lợi nhuận trước thuế	816,2	1.285	63,52%

Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỉ lệ 5%, thưởng cổ phiếu tỷ lệ 25:2.

II. Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2022

Hiện tại, ngoài mảng kinh doanh xe ô tô, Công ty đang tập trung nguồn lực để thực hiện đầu tư đồng loạt các dự án bất động sản tại Hà Nội và đặc biệt là Thành phố Hải Phòng.



Ban Tổng Giám đốc xác định giai đoạn tới sẽ là giai đoạn đặc biệt quan trọng trong xu thế mở rộng, phát triển của công ty. Từ việc triển khai các dự án quy mô vừa và lớn trong 3-4 năm trở lại đây như cụm chung cư N1, N2 Lê Lợi, HH1, HH2 và HH3, HH3 Đồng Quốc Bình, dự án Prukxa Town, dự án nhà ở xã hội An Đồng, Hoang Huy Riverside, Hoang Huy Mall, Hoang Huy Grand Tower, Hoang Huy New City, dự án Golden Land Building .v.v. với quy mô chỉ vài hecta, tổng mức đầu tư dưới 3.000 tỷ, thì hiện nay công ty bắt đầu bước vào giai đoạn TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ với việc đồng loạt triển khai các dự án quy mô lớn và rất lớn như Hoang Huy Commerce (diện tích gần 3ha, tổng mức đầu tư xấp xỉ 5.000 tỷ đồng), Hoang Huy Green River (diện tích trên 70ha, tổng mức đầu tư khoảng 14.000 tỷ đồng).v.v. và nhiều dự án quy mô lớn khác.

Ban Tổng Giám đốc tiếp thu và thực hiện đúng những chỉ đạo định hướng của Hội đồng Quản trị trong thời gian qua để xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 trên cơ sở đánh giá những yếu tố nội tại, tình hình kinh doanh của công ty.

Đơn vị: tỷ đồng

Các chỉ tiêu hợp nhất	KH2022	TH2021	+/% 2022/2021
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000	2.755,9	9%
Lợi nhuận trước thuế	1.125	816,1	38%
Lợi nhuận sau thuế	900	609,3	48%

Ghi chú: Niên độ kế toán từ 1/4 -31/3 năm sau.

Từ năm 2022 trở đi, với quy mô các dự án và số lượng sản phẩm được bàn giao tăng mạnh sẽ đảm bảo kết quả kinh doanh tăng trưởng đáng kể.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ HOANG HÀ

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính thưa: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch Vụ Tài chính Hoàng Huy

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty, báo cáo của HĐQT, Ban điều hành và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong thời gian qua.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2021.

I. Thành phần Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy gồm ba thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra:

1. Bà Nguyễn Thị Tươi – Trưởng Ban Kiểm soát
2. Bà Phan Thị Thu Hương – Kiểm soát viên
3. Ông Nguyễn Hoàng Tùng – Kiểm soát viên

II. Nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc năm 2021

1. Giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết HĐQT. Trong năm 2021, HĐQT và Ban điều hành đã đạt được những kết quả sau:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2021;
- Giám sát hoạt động phát triển kinh doanh vừa mở rộng quy mô vừa đảm bảo an toàn và hiệu quả;

Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá trong năm 2021 HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã có tinh thần trách nhiệm cao đối với sự phát triển và hoạt động kinh doanh của toàn công ty. Công ty không phát sinh vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như không có bất kỳ xung đột nào phát sinh với những người liên quan.

2. Kiểm soát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ.



- Hoạt động đầu tư vốn của Công ty đều tuân thủ đúng các quy định của pháp Luật và điều lệ Công ty, đảm bảo nguyên tắc phòng ngừa rủi ro.

- Ban Kiểm soát đồng ý cơ bản với đánh giá về hoạt động tài chính trong các báo cáo của Công ty và tổ chức kiểm toán.

- Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/03/2022 và kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty trong năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
1. Tổng tài sản	14.667.880
2. Vốn chủ sở hữu	12.342.107
Trong đó: Vốn điều lệ	6.682.158
3. Nợ phải trả	2.325.772
Trong đó: Nợ ngắn hạn	1.698.639
4. Kết quả kinh doanh	
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.755.984
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	825.292
- Lợi nhuận khác	-9.118
- Tổng lợi nhuận trước thuế	816.173
- Thuế TNDN	205.936
- Thuế TNDN hoãn lại	930
- Lợi nhuận sau thuế	609.306

III. Nội dung báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên

1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.

- Thực hiện các đợt kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo TCH về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.

- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của Công ty, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của Công ty.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập (là Công ty Kiểm toán có trong danh sách Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2021 và có kinh nghiệm, uy tín trong công tác kiểm toán cho công ty niêm yết.

- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.

- Các công việc khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc; đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra.

HĐQT và Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của Công ty, bám sát nhiệm vụ được giao.

3. Báo cáo của từng Kiểm soát viên

TT	Kiểm soát viên	Phân công nhiệm vụ và Kết quả hoạt động của từng Kiểm soát viên trong năm 2021
1	Bà Nguyễn Thị Tươi – Trưởng Ban Kiểm soát	Chỉ đạo công việc chung của Ban Kiểm soát, đôn đốc và phân công công việc cho từng Kiểm soát viên. Lên kế hoạch nhiệm vụ công tác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Hoàn thiện và duyệt các báo cáo của Ban Kiểm soát, hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.
2	Bà Phan Thị Thu Hương – Kiểm soát viên	Hoàn thành nhiệm vụ là đầu mối phụ trách công việc trong phạm vi của Ban Kiểm soát trong các hoạt động về kinh doanh của công ty.
3	Ông Nguyễn Hoàng Tùng – Kiểm soát viên	Hoàn thành nhiệm vụ là đầu mối phụ trách công việc trong phạm vi của Ban Kiểm soát đối với các nội dung và hoạt động về tài chính, kế toán của công ty; chế độ tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, chế độ báo cáo của công ty.

4. Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021

Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2021 đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã tổng kết kết quả giám sát, kiểm toán đối với các mảng hoạt động chính như hoạt động bán hàng, kế toán, đầu tư... và đã kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhiều giải pháp cụ thể, góp phần hoạt động của công ty an toàn hiệu quả.

IV. Kế hoạch công tác năm 2022 của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Hiện nay Công ty đã mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động do đó cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống để theo dõi việc thực hiện các quy chế hoạt động của Công ty và nâng cao khả năng đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ theo đúng Điều lệ của Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật, lấy ngăn chặn và phòng ngừa lạm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và một số Luật liên quan, góp phần làm cho Công ty ngày càng phát triển và đạt hiệu quả kinh doanh cao, đảm bảo lợi ích của cổ đông, quyền lợi của cán bộ nhân viên.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu TH.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

CÔNG TY

CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ DỊCH VỤ

TÀI CHÍNH

HÀNG HUY

NGUYỄN THỊ TƯƠI

CTCP
TỔNG
ĐÔNG

TỜ TRÌNH

THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM TÀI CHÍNH 2021

Kính gửi: Quý vị Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch Vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH)

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2021 ngày 30/05/2022 của CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy.

Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả báo cáo tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy với các nội dung chính sau đây:

I. Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Nguyễn Ngọc Lân - Phó Tổng Giám đốc, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 1427-2018-002-1
- Đoàn Thị Thúy - Kiểm toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0937-2018-002-1

Tổ chức Kiểm toán và các kiểm toán viên nêu trên có tên trong Danh sách Công ty Kiểm toán và Kiểm toán viên được phép kiểm toán các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán của UBCK Nhà nước.

II. Báo cáo kiểm toán độc lập

Ý kiến của Kiểm toán viên đối với các báo cáo tài chính của Công ty.

1. Đối với báo cáo tài chính công ty mẹ:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”.

2. Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu



tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

III. Kết quả các báo cáo tài chính Công ty năm tài chính 2021

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đầy đủ (đã thực hiện công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên Website của Công ty). Sau đây là một số chỉ tiêu chính của báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2021 (giai đoạn 01/04/2021 – 31/03/2022) đã được kiểm toán.

1. Kết quả kinh doanh của Công ty

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	14.667.880	10.351.779
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	2.755.984	4.419.420

2. Cơ cấu chi phí của Công ty

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020
1	Chi phí bán hàng	Tr. đồng	52.002	91.352
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	78.854	54.530
3	Chi phí tài chính	Tr. đồng	18.070	66.748

3. Bảng cơ cấu lợi nhuận của Công ty

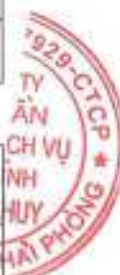
TT	Lợi nhuận	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr. đồng	825.292	1.270.591
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	816.173	1.278.128
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	609.306	1.035.361

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu TH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 03/2022/TT-HĐQT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm tài chính 2021)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Căn cứ các báo cáo tài chính năm tài chính 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã kiểm toán.

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin báo cáo Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm tài chính 2021

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng (Công ty mẹ) năm 2021 đã được kiểm toán, giá trị khoản mục lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/3/2022 trên báo cáo tài chính riêng nhỏ hơn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy, Hội đồng Quản trị (HĐQT) xác định tỷ lệ chi trả cổ tức căn cứ trên báo cáo tài chính riêng, phương án cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	LNST chưa phân phối tại thời điểm 31/3/2021	Đồng	625.663.996.601
2	Lãi trong kỳ	Đồng	304.680.456.337
3	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Đồng	(199.584.290.000)
4	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế	Đồng	(494.938.750.000)
5	LNST chưa phân phối tại thời điểm 31/3/2022 (1+2+3+4)	Đồng	235.821.412.938
6	Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền tỷ lệ 3%	Đồng	200.464.752.900
7	LNST chưa phân phối còn lại (5-6)	Đồng	35.356.660.038

Dựa trên kết quả kinh doanh đạt được trong năm tài chính 2021, cũng như kế hoạch nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT trình xin ý kiến về việc chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ tối đa dành cho cổ đông. Cụ thể, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông



(ĐHĐCĐ) thông qua phương án phân phối, chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, tỷ lệ 3%.

II. Phương án chi tiết chi trả cổ tức năm tài chính 2021

- Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ: 3%/cổ phiếu (01 cổ phiếu sở hữu được nhận 300 đồng);
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 668.215.843 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ tức chi trả dự kiến: 200.464.752.900 đồng;
- Đối tượng được hưởng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền;
- Nguồn vốn chi trả: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty tại thời điểm 31/3/2022;
- Cách thức thực hiện: Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản lưu ký tại các Công ty chứng khoán của cổ đông nếu cổ phiếu đã lưu ký hoặc nhận tiền mặt tại Trụ sở Công ty nếu cổ phiếu chưa lưu ký;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2022;
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn thành thực hiện việc chi trả cổ tức năm tài chính 2021 bằng tiền.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- Lưu TH.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÁO CÁO

(V/v: Hoàn thành thay đổi sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch Vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Ngày 18/10/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 155/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/8/2021 (gọi chung là “đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021”).

1. Mục đích sử dụng vốn thu được của đợt chào bán ra công chúng năm 2021:

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 2.554.724.761.600 đồng sẽ được sử dụng cho các mục đích như sau:

STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Đầu tư dự án Hoang Huy Commerce tại phường Kênh Dương và phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	1.800.000.000.000	Theo kế hoạch đầu tư kinh doanh năm 2021, 2022 và 2023 của Công ty
2	Đầu tư dự án Hoàng Huy - Sờ Dầu tại phường Sờ Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	754.724.761.600	Theo kế hoạch đầu tư kinh doanh năm 2021, 2022 và 2023 của Công ty
	Tổng cộng	2.554.724.761.600	

2. Các điều chỉnh mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán ra công chúng năm 2021:

- 2.1. Ngày 26/10/2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn trong đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2021, cụ thể:

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là: 2.554.723.776.000 đồng (theo báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng đã được phê duyệt) sẽ được sử dụng cho các mục đích như sau:



STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến	Ghi chú về việc thay đổi Mục đích sử dụng vốn
1	Đầu tư dự án Hoang Huy Commerce tại phường Kênh Dương và phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	1.302.909.125.760 (chiếm 51% số tiền thu được từ đợt chào bán)	Theo kế hoạch đầu tư kinh doanh năm 2021, 2022 và 2023 của Công ty	Giữ nguyên
2	Góp vốn bổ sung vào Công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc	497.089.888.640 (chiếm 19,5% số tiền thu được từ đợt chào bán)	Tháng 10-12/2021	Thay đổi
3	Góp vốn bổ sung vào Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	754.724.761.600 (chiếm 29,5% số tiền thu được từ đợt chào bán)	Tháng 10-12/2021	Thay đổi
Tổng cộng		2.554.723.776.000		

Cùng ngày 26/10/2021, Công ty cũng đã có báo cáo số 88/2021/TCH-CV về việc báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đúng quy định.

- 2.2. Vào ngày 30/11/2021, ĐHĐCĐ Công ty đã thông qua việc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021 theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ (so sánh với phương án đã được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT ngày 26/10/2021):

STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến	Ghi chú về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn
1	Góp vốn bổ sung vào Công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc	1.302.909.125.760	Tháng 11-12/2021	Thay đổi
2	Góp vốn bổ sung vào Công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc	497.089.888.640	Đã hoàn thành sử dụng vốn	
3	Góp vốn bổ sung vào Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	754.724.761.600	Đã hoàn thành sử dụng vốn	

STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến	Ghi chú về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn
	Tổng cộng	2.554.723.776.000		

Cùng ngày 30/11/2021, Công ty cũng đã có báo cáo số 103/2021/TCH-CV về việc báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đúng quy định.

3. Báo cáo hoàn thành việc sử dụng vốn từ đợt chào bán (theo phương án sử dụng vốn đã điều chỉnh)

Ngày 9/12/2021, Công ty đã thực hiện báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo văn bản số 108/2021/TCH-CV, theo đó:

STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Thực tế sử dụng vốn Tới ngày 6/12/2021
1	Góp vốn bổ sung vào Công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc	1.799.999.014.400	1.800.100.000.000
2	Góp vốn bổ sung vào Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	754.724.761.600	754.800.000.000
	Tổng cộng	2.554.723.776.000	2.554.900.000.000

Như vậy, tới ngày 6/12/2021, Công ty đã sử dụng hết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương án sử dụng vốn (điều chỉnh) đã được thông qua. Số tiền thực tế sử dụng nhiều hơn phương án sử dụng vốn được thanh toán bằng vốn tự có của Công ty.

HDQT kính báo cáo ĐHCĐ về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn và kết quả sử dụng vốn bên trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu TH.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐO HUU HẠ



Số: 05/2022/TT-HĐQT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua các hoạt động đầu tư, các hợp đồng và giao dịch
với người có liên quan của Công ty**

Kính thưa: Quý vị Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH)

Thực hiện các chủ trương của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua và nhằm thực hiện một số kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới, HĐQT kính báo cáo cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động đầu tư, hợp đồng và giao dịch của Công ty với người có liên quan. Cụ thể như sau:

1. Báo cáo tình hình thực hiện giao dịch chuyển nhượng một phần dự án Hoang Huy Commerce với các nội dung chủ yếu như sau:

Căn cứ:

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2020.
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2021.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã và đang triển khai việc chuyển nhượng dự án như sau:

- Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
- Bên nhận chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc
- Dự án thực hiện chuyển nhượng: Một phần dự án Hoang Huy Commerce tại Phường Kênh Dương và Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng (tương ứng với toà nhà ở chung cư kết hợp thương mại dịch vụ H1).
- Giá trị chuyển nhượng: 890.428.786.277 đồng (Bằng giá trị quyền sử dụng đất của phần dự án chuyển nhượng đã được bên chuyển nhượng hoàn thành nghĩa vụ tài chính và được xác định là 692.819.470.230 đồng (tương ứng với toà nhà ở chung cư kết hợp thương mại dịch vụ H1) cộng (+) toàn bộ chi phí đầu tư của Bên chuyển nhượng từ giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư/phê duyệt tổng mặt bằng cho tới thời điểm chuyển nhượng là 197.609.316.047 đồng). Trong trường hợp có phát sinh do tính toán lại về giá chuyển nhượng, hai bên sẽ thực hiện ký kết phụ lục Hợp đồng nhưng đảm bảo tổng giá trị hợp đồng không vượt quá 1.000.000.000.000 đồng.
- Điều kiện chuyển nhượng: Một phần dự án Hoang Huy Commerce tại Phường Kênh Dương và Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng (tương ứng với toà nhà ở chung cư kết hợp thương mại dịch vụ H1 đủ điều kiện chuyển nhượng.
- Dự thảo Hợp đồng chuyển nhượng dự án: Kèm theo Tờ trình này

Các thủ tục chuyển nhượng đã và đang được Công ty xúc tiến thực hiện căn cứ chủ trương tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT, kính báo cáo cổ đông thông qua nội dung về việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Thông qua chủ trương giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc

Căn cứ:

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2020.
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2021.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy sẽ thực hiện giao dịch như sau:



- Bên chuyển nhượng: Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH)
- Bên nhận chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV (Công ty con)
- Cổ phần chuyển nhượng: 181.990.000 cổ phần, là toàn bộ số cổ phần TCH sở hữu tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc, tỷ lệ 99,99%
- Mục đích: Để nâng cao hiệu quả phát triển các dự án bất động sản hướng tới cung cấp các dịch vụ quản lý vận hành chuyên nghiệp cho cộng đồng cư dân khi tới sinh sống, TCH có định hướng tổ chức việc đầu tư dự án thông qua việc chuyển nhượng các dự án bất động sản (hoặc công ty dự án) cho Công ty con là Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV để phát triển tập trung phát triển và xây dựng thương hiệu bất động sản.
- Giá chuyển nhượng: Căn cứ theo chứng thư thẩm định giá trị doanh nghiệp. Giá chuyển nhượng sẽ tính bằng công thức: số lượng cổ phần TCH sở hữu/ (chia cho) số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc x (nhân) Giá trị doanh nghiệp đã được thẩm định giá; hoặc giá trị phần vốn góp của TCH tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc đã được thẩm định giá. Công ty cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc không được thay đổi số lượng cổ phần đang lưu hành từ thời điểm thực hiện thẩm định giá tới khi hoàn tất quá trình chuyển nhượng cổ phần này; và nếu có sự thay đổi số lượng cổ phần đang lưu hành trong khoảng thời gian này thì sẽ thực hiện thẩm định giá lại.
- Dự thảo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần: Kèm theo Tờ trình này.
- ĐHĐCĐ ủy quyền Hội đồng Quản trị công ty thực hiện các thủ tục như sau:
 - + Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá Giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc; hoặc định giá phần vốn góp của TCH tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc. Thực hiện xem xét, thẩm định các thông tin, các kế hoạch kinh doanh, báo cáo thẩm định do đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc thực hiện.
 - + Thống nhất thời điểm định thẩm định giá sau khi TCH và Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án Hoang Huy Commerce (một phần dự án, tương ứng với toà nhà ở chung cư kết hợp thương mại dịch vụ H1) và không sớm hơn 03 tháng tại thời điểm thực hiện chuyển nhượng cổ phần (được tính là ngày ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần).
 - + Lựa chọn thời điểm thực hiện chuyển nhượng cổ phần và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.
 - + Thực hiện các thủ tục cần thiết khác theo quy định.
- Điều kiện chuyển nhượng: TCH hoàn thành việc chuyển nhượng một phần dự án Hoang Huy Commerce cho Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc (tương ứng với toà nhà ở chung cư kết hợp thương mại dịch vụ H1).
- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm tài chính 2022 (từ 1/4/2022-31/3/2023).

3. Thông qua chủ trương giao dịch chuyển nhượng một phần dự án Hoang Huy Commerce với các nội dung chủ yếu như sau:

Sau khi TCH hoàn thành các giao dịch tại điểm 2 nêu trên, đồng nghĩa với việc CRV trở thành công ty mẹ sở hữu 99,99% cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc. TCH tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển nhượng dự án như sau:

- Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH, cổ đông lớn của CRV)
- Bên nhận chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc (hoặc đơn vị khác như trực tiếp CRV hoặc thuộc sự chỉ phối ra quyết định của CRV)
- Dự án thực hiện chuyển nhượng: Một phần dự án Hoang Huy Commerce tại Phường Kênh Dương và Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng (tương ứng với toà nhà ở chung cư kết hợp thương mại dịch vụ H2)

- Giá chuyển nhượng: Là giá trị dự án tại chứng thư thẩm định giá trị dự án thực hiện chuyển nhượng.
- Dự thảo Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng dự án, Hợp đồng chuyển nhượng dự án: Kèm theo Tờ trình này.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng Quản trị công ty thực hiện các thủ tục như sau:
 - + Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá trị dự án thực hiện chuyển nhượng. Thực hiện xem xét, thẩm định các thông tin, các kế hoạch kinh doanh, báo cáo thẩm định do đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá thực hiện.
 - + Thời điểm định thẩm định giá trị dự án thực hiện chuyển nhượng không sớm hơn 03 tháng tại thời điểm thực hiện chuyển nhượng dự án (được tính là ngày ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án).
 - + Lựa chọn thời điểm thực hiện chuyển nhượng dự án và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.
 - + Thực hiện các thủ tục cần thiết khác theo quy định.
- Điều kiện chuyển nhượng: Một phần dự án Hoàng Huy Commerce tại Phường Kênh Dương và Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng (tương ứng với toà nhà ở chung cư kết hợp thương mại dịch vụ H2) khi được xác định đủ điều kiện chuyển nhượng).
- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm tài chính 2022, 2023 (từ 1/4/2022-31/3/2024).

4. Thông qua chủ trương giao dịch chuyển nhượng dự án Hoàng Huy New City, hoặc dự án Hoàng Huy Green River với các nội dung chủ yếu như sau:

- Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
- Bên nhận chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV hoặc công ty con của CRV do CRV chỉ định)
- Dự án thực hiện chuyển nhượng: Một phần hoặc toàn bộ Dự án Hoàng Huy New City tại xã Tân Dương và xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên; hoặc dự án Hoàng Huy Green River tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Giá chuyển nhượng: Là giá trị dự án tại chứng thư thẩm định giá trị dự án thực hiện chuyển nhượng.
- Dự thảo Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng dự án, Hợp đồng chuyển nhượng dự án: Kèm theo Tờ trình này.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị công ty thực hiện các thủ tục như sau:
 - + Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá trị dự án chuyển nhượng. Thực hiện xem xét, thẩm định các thông tin, các kế hoạch kinh doanh, báo cáo thẩm định do đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá dự án chuyển nhượng thực hiện.
 - + Thống nhất thời điểm định thẩm định giá trị dự án chuyển nhượng, đảm bảo không sớm hơn 03 tháng tại thời điểm thực hiện chuyển nhượng dự án (được tính là ngày ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án).
 - + Lựa chọn thời điểm thực hiện chuyển nhượng dự án và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật.
 - Điều kiện chuyển nhượng: Một phần hoặc toàn bộ Dự án Hoàng Huy New City tại xã Tân Dương và xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên; hoặc dự án Hoàng Huy Green River tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng khi xác định đủ điều kiện chuyển nhượng các dự án này.
 - Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm tài chính 2022, 2023 (từ 1/4/2022-31/3/2024).

5. Hoạt động đầu tư phát triển dự án khác

Nhằm thực hiện các hoạt động đầu tư, phát triển dự án, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc Công ty có thể tham gia việc mua lại dự án hoặc cổ phần các công ty dự án (là công ty sở hữu đất hoặc các dự án bất động sản), hoặc tham gia các hoạt động đấu giá, đấu thầu các dự án đầu tư bất động sản dưới mọi hình thức.

- Về quy mô đầu tư: không giới hạn giá trị đầu tư trong mua lại dự án hoặc cổ phần công ty dự án, hay tổng mức đầu tư dự án, giá trị quyền sử dụng đất tùy thuộc vào tiềm năng từng dự án và trong giới hạn năng lực tài chính của Công ty.
- Ủy quyền HĐQT toàn quyền chủ động thực hiện cụ thể hóa các thủ tục theo chủ trương này và báo cáo tại kỳ ĐHĐCĐ gần nhất các kết quả thực hiện (nếu có).

6. Thông qua việc đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV

Nhằm tăng tỷ lệ sở hữu, gia tăng giá trị đầu tư, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) thông qua chủ trương về việc mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV (CRV).

- TCH đang sở hữu 256.105.272 cổ phiếu CRV, tương đương tỷ lệ 38,09%.
- TCH và các tổ chức có liên quan (Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang) hiện đang sở hữu 538.378.600 cổ phiếu CRV tương đương tỷ lệ sở hữu 81,67%.
- Số lượng tối đa cổ phiếu CRV mà TCH thực hiện mua thêm: 45.000.000 cổ phiếu.
- Giá mua: Theo giá thị trường tại thời điểm mua.
- Số lần thực hiện mua hoặc đăng ký mua: TCH có thể thực hiện mua thành nhiều lần (đăng ký mua nhiều lần hay nhiều đợt), nhưng đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu CRV mà TCH thực hiện mua thêm qua các lần không vượt quá số lượng đối ta nêu trên.
- Giá trị mua: Căn cứ số lượng cổ phiếu thực hiện mua và giá mua thực tế.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm tài chính 2022 (từ 1/4/2022 – 31/3/2023).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc triển khai thực hiện mua thêm cổ phiếu CRV bao gồm việc quyết định thời điểm mua, số lượng mua, số lần thực hiện mua, phương thức mua, giá mua và mọi nội dung và thủ tục cần thiết khác đáp ứng và phù hợp quy định pháp luật liên quan.

7. Thông qua chủ trương duy trì các giao dịch nguồn vốn với bên liên quan

Để nâng cao tính linh hoạt trong công tác nguồn vốn trong hệ thống gồm và các công ty là bên có liên quan (liệt kê trong danh sách bên dưới), HĐQT xin ý kiến cổ đông thông qua:

TT	Tên công ty	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH)	Công ty mẹ của HHS, Cổ đông lớn của CRV
2	Công ty Cổ phần xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Công ty con của TCH
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Công ty con của TCH
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	Công ty con của TCH
5	Công ty Cổ phần phát triển Nhà Đại Lộc	Công ty con của TCH
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS)	Công ty con của TCH
7	Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của HHS
8	Công ty Cổ phần Pruksa Việt Nam	Công ty con của HHS
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV (CRV)	TCH và HHS là cổ đông lớn
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	Công ty con của CRV

- Thông qua việc duy trì cơ chế điều chuyển nguồn tiền giữa TCH và các công ty con (có tên trong bảng nêu trên và các công ty con tại thời điểm thực hiện giao dịch) và các công ty liên quan thông qua hình thức vay tiền hoặc cho vay tiền; vay hoặc cho

vay được bảo lãnh bằng tài sản, hoặc giao dịch chuyển nhượng hợp đồng tiền gửi (và tiền thanh toán) theo nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại theo từng thời điểm cụ thể khi các đơn vị có nhu cầu phát sinh để phục vụ các hoạt động đầu tư với mức lãi suất, chi phí phù hợp theo thị trường. Giá trị giao dịch tối đa mỗi lần thực hiện là 1.000.000.000.000 đồng.

- Điều kiện thực hiện các giao dịch: Các giao dịch sẽ tuân thủ các quy định về đối tượng và các giao dịch được phép thực hiện giao dịch theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan.
- Dự thảo Hợp đồng vay tiền: kèm theo Tờ trình này.
- Hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng tiền gửi (và tiền thanh toán): Theo mẫu quy định của mỗi Ngân hàng Thương mại cổ phần.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo Ban điều hành và các đơn vị liên quan khi thực hiện ký kết các hợp đồng, các hồ sơ, chứng từ liên quan trong giao dịch nêu trên theo đúng quy định.

8. Một số nội dung khác báo cáo và xin ý kiến cổ đông xem xét thông qua:

Theo chủ trương đã được thông qua, TCH đang thực hiện cao điểm hoạt động kinh doanh cốt lõi kinh doanh xe ô tô và đầu tư các dự án bất động sản có quy mô lớn nên có nhu cầu vốn lớn. Khi đó, Công ty con là Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV (CRV) có nguồn vốn nhân rồi, trong thời gian chờ nhận dự án, nhận chuyển nhượng dự án, TCH đã thực hiện vay vốn từ CRV. Việc thực hiện vay là tín chấp không có tài sản đảm bảo thông qua việc ký kết nhiều hợp đồng theo từng giai đoạn với giá trị vay và lãi suất vay phù hợp với mặt bằng lãi suất trên thị trường. Các chủ trương này đã được thông qua từ năm 2020 trở về trước. Tại ngày 31/3/2022 số dư nợ gốc còn lại là 486.804.562.769 đồng. Trong suốt thời gian qua, TCH luôn thanh toán trả đầy đủ, đúng hạn.

Hiện nay, CRV có chủ trương thu hồi khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã gửi đề nghị và thông báo tới TCH để thực hiện tất toán các khoản vay này. TCH xác nhận kế hoạch sẽ hoàn thành không muộn hơn 30/9/2022.

Ngoài ra, số dư cho vay còn lại này TCH sẽ được ưu tiên bù trừ thanh toán trong giao dịch chuyển nhượng được nêu tại các mục 2, 3, 4 thuộc Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính báo cáo các quý vị cổ đông xem xét thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHÒNG

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Số:/...../HCNCP/.....

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ trên nhu cầu, khả năng và kết quả thoả thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 20..., tại, gồm có:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG (Sau đây gọi tắt là Bên A):

- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY
- MSDN: 0200117929 do Sở KHĐT. TP Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/12/2007, thay đổi lần thứ.....ngày...../...../.....
- Địa chỉ: số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
- ĐT: (84-225) 3610 021
- Fax: (84-225) 3955 322
- Đại diện: – Chức vụ:, người đại diện pháp luật

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG (Sau đây gọi tắt là Bên B):

- CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẤT ĐỘNG SẢN CRV
- Địa chỉ: Tầng 12, Tòa tháp Gold Tower, Số 275, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- MSDN: 0102003419 do Sở KHĐT. TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/07/2006, thay đổi lần thứ.....ngày...../...../.....
- ĐT: 024.7306.1886
- Fax: 024.7306.1886
- Đại diện: – Chức vụ: người đại diện pháp luật

Xét rằng:

- Bên A có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc. Việc chuyển nhượng đã được các cấp có thẩm quyền thông qua.
- Bên B có nhu cầu nhận chuyển nhượng cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc. Việc chuyển nhượng đã được các cấp có thẩm quyền thông qua.
- Các chủ trương về chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng nêu trên đã được bên A và bên B thống nhất thông qua.

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc do Bên A đang sở hữu với các điều khoản cụ thể như sau:



Điều 1: Nội dung của Hợp đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng, Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc do Bên A đang sở hữu như sau:

1.1. Số cổ phần chuyển nhượng: 181.990.000 cổ phần

1.2. Mệnh giá cổ phần: ...10.000 đồng/cổ phần

1.3. Giá chuyển nhượng cho toàn bộ số lượng cổ phần nêu trên: đồng (Bằng chữ:.....đồng).

Điều 2: Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán

2.1. Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A 100% giá trị chuyển nhượng ngay sau khi ký kết Hợp đồng này.

2.2. Phương thức thanh toán: Thực hiện bù trừ công nợ (khấu trừ số dư nợ vay của bên A đang vay bên B từ ngày ký kết hợp đồng chuyển nhượng). Để làm rõ, lãi suất cho vay sẽ không được tính đối với số tiền đã được bù trừ số dư nợ vay kể từ ngày kế tiếp của ngày ghi trên hợp đồng này.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

3.1. Thực hiện thủ tục chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Công ty và pháp luật liên quan.

3.2. Chuyển nhượng đúng số cổ phần theo Điều 1 Hợp đồng này.

3.3. Cam kết số cổ phần chuyển nhượng được sở hữu hợp pháp, không có khiếu nại, khiếu kiện hoặc có hành vi tương tự từ bên thứ ba.

3.4. Cam kết không khiếu nại, khiếu kiện hoặc hành vi tương tự đối với bên nhận chuyển nhượng hoặc đơn vị phát hành cổ phiếu sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng.

3.5. Chịu các thuế, phí chuyển nhượng có liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần.

3.6. Quyền được bù trừ nghĩa vụ công nợ (khấu trừ số dư nợ vay đang duy trì với bên B).

3.7. Không hưởng quyền lợi (nếu có) đối với số cổ phần được chuyển nhượng phát sinh trước ngày Hợp đồng được ký kết và chuyển giao cổ phần.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

4.1. Thanh toán cho Bên A đầy đủ, đúng thời gian đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng này.

4.2. Cam kết thực hiện và tuân thủ các quy định của nội dung hợp đồng này.

4.3. Có toàn quyền quyết định đối với số cổ phần trên sau khi hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng theo hợp đồng này và theo quy chế ban hành của Công ty phát hành.

4.4. Được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phần trên cho người khác theo quy định của pháp luật và theo quy định của Công ty phát hành.

4.5. Hưởng toàn bộ các quyền lợi (nếu có) đối với số cổ phần nhận chuyển nhượng kể từ ngày Hợp đồng này được ký kết.

Điều 5: Thời hạn hiệu lực Hợp đồng

5.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi các bên đã hoàn tất quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh theo nội dung và tinh thần của Hợp đồng.

5.2. Thời gian chuyển nhượng: Ngay khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng này.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp

Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, hai bên sẽ cùng nhau hoà quyết trên tinh thần thương lượng hợp tác để cùng nhau tìm ra hướng giải quyết có lợi cho cả hai bên. Nếu không thể thương lượng được thì các bên sẽ đưa vụ việc ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 7: Điều khoản thi hành

- 7.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh vấn đề mới, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc và ký các thoả thuận bổ sung.
- 7.2. Hợp đồng đã được các bên đọc, hiểu và chấp thuận toàn bộ các điều khoản ghi trong Hợp đồng này.
- 7.3. Hợp đồng này được lập thành ba (03) bản có giá trị ngang nhau, có hiệu lực kể từ ngày ký, mỗi bên giữ một (01) bản, một bản lưu tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc.

BÊN A

BÊN B

**XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ ĐẠI LỘC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



DỰ THẢO

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

VỚI

CÔNG TY.....

Về việc chuyển nhượng Dự án.....tại
.....

Hải Phòng – Năm.....



Hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng dự án đầu tư này được ký vào ngày ... tháng ... năm tại thành phố Hải Phòng, Việt Nam, giữa các Bên sau:

- (A) **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**, một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0200117929 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ ngày...../...../....., có trụ sở chính đăng ký tại số 116 Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam do ... - , người đại diện theo pháp luật của Công ty làm đại diện (sau đây gọi tắt là “**Bên Chuyển Nhượng**”);
- và
- (B) **CÔNG TY.....**, một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp là do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố cấp lần đầu ngày tháng năm....., có trụ sở chính đăng ký tại....., do....., làm đại diện theo pháp luật (Sau đây gọi tắt là “**Bên Nhận Chuyển Nhượng**”).
- “**Bên Chuyển Nhượng**” và “**Bên Nhận Chuyển Nhượng**” sau đây được gọi là Các Bên.

XÉT VÌ:

- (A) **Bên Chuyển nhượng** được giao làm chủ đầu tư, sở hữu toàn bộ Dự án địa chỉ tại theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, bao gồm:
- (B) **Bên Nhận chuyển nhượng** là Công ty có năng lực tài chính, có chức năng kinh doanh bất động sản.
- (C) **Bên Chuyển nhượng** mong muốn chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Dự án mà Bên Chuyển nhượng đang sở hữu và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao làm chủ đầu tư và Bên Nhận chuyển nhượng mong muốn nhận chuyển nhượng Dự án từ Bên Chuyển nhượng (sau đây gọi tắt là “**Chuyển nhượng**”).

CĂN CỨ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Bộ luật dân sự**”);
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật đầu tư**”);
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật đất đai**”);
- Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật kinh doanh bất động sản**”);
-
- Giấy phép xây dựng..... (“**Giấy Phép Xây Dựng**”);
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số.....

Sau khi thoả thuận trên tinh thần tự nguyện, thiện chí Bên Chuyển Nhượng và Bên Nhận Chuyển Nhượng cùng nhau ký kết bản Hợp đồng nguyên tắc này (sau đây gọi chung là “**Hợp đồng**”) với các điều khoản và điều kiện sau đây để thống nhất những nguyên tắc chung làm cơ sở việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án cụ thể sau này:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

- 1.1 “**Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư**” hoặc “**Hợp Đồng**” có nghĩa là Bản Hợp đồng này;
- 1.2 “**Hợp Đồng Chuyển Nhượng**” là Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án đầu tư được ký kết sau khi có quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 1.3 “**Dự án**” hay “**Dự án đầu tư**” có nghĩa là Dự án có địa chỉ tại trên Khu đất..... có diện tích rộng m² (..... mét vuông) đã được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số và các bản sửa đổi (nếu có) như được mô tả tại Điều 2 của Hợp đồng này;
- 1.4 “**Chủ đầu tư**” nghĩa là Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao làm chủ đầu tư dự án và được ghi nhận trong Quyết định chủ trương đầu tư và/hoặc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;
- 1.5 “**Tổng Tiền Chuyển Nhượng Tạm Tính**” là tổng số tiền tạm tính mà Bên Nhận Chuyển Nhượng phải thanh toán cho Bên Chuyển Nhượng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này để Bên Nhận Chuyển Nhượng được quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ Dự án đầu tư và các chi phí để Bên Chuyển Nhượng thực hiện các công việc như được mô tả tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 và/hoặc được các Bên thống nhất tại Hợp đồng này;
- 1.6 “**Dự Án Chuyển Nhượng**” nghĩa là công trình xây dựng đã, đang được xây dựng trên Khu đất..... có diện tích rộng theo Dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chấp thuận đầu tư¹;
- 1.7 “**Ngày**” nghĩa là ngày tính theo dương lịch và “**tháng**” được hiểu là tháng dương lịch;
- 1.8 “**Ngày làm việc**” nghĩa là những ngày không phải thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ chính thức ở Việt Nam;
- 1.9 “**Đồng**” hoặc “**VND**” nghĩa là đồng tiền hợp pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 1.10 “**Ngày Hiệu lực**” nghĩa là ngày mà Hợp đồng này có hiệu lực pháp lý;
- 1.11 “**Khu đất.....**” nghĩa là lô đất có diện tích là được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số do cấp ngày;
- 1.12 “**Giá trị quyền sử dụng đất**” là các giá trị kinh tế hữu hình và/hoặc vô hình do Khu đất mang lại được tính bằng một số tiền cụ thể;
- 1.13 “**Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất**” nghĩa là các tài liệu bao gồm Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất và/hoặc Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ sử

¹ Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ Dự án thì “Dự án chuyển nhượng” có ý nghĩa tương đương với “Dự án”

- dụng hợp pháp đối với Khu đất;
- 1.14 “**Luật pháp Việt Nam**” nghĩa là bất kỳ và tất cả các luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy chế và văn bản pháp luật có liên quan khác (được sửa đổi theo từng thời điểm) mà bất kỳ Cơ quan Nhà nước nào của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành áp dụng đối với Công ty hoặc Hoạt động Kinh doanh của Công ty;
- 1.15 “**Cơ quan Cấp phép**” nghĩa là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hoặc bất kỳ Cơ quan Nhà nước nào được Luật pháp cho phép cấp và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và/hoặc các loại giấy tờ khác của Dự án đầu tư;
- 1.16 “**Bên**” nghĩa là bất kỳ Bên nào trong Hợp đồng này, và “**các Bên**” nghĩa là tất cả các Bên tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt;
- 1.17 “**Cơ quan Nhà nước**” và “**các Cơ quan Nhà nước**” nghĩa là bất kỳ một hay tất cả các cơ quan hoặc cá nhân sau đây: Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ Việt Nam, Văn phòng Chính phủ, các Ủy ban Nhân dân, các Bộ, các cơ quan hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ công ích, bất kỳ và tất cả các ủy ban, các bộ, các hội đồng, cơ quan, tổ chức hoặc quan chức, viên chức khác mà Hợp Đồng này đề cập tới hoặc dự liệu;
- 1.18 **Diễn giải**
- Các tiêu đề của Phần và Điều chỉ nhằm mục đích thuận tiện và sẽ không tác động hoặc ảnh hưởng đến việc tạo lập nội dung các điều khoản của Hợp Đồng này.
 - Các từ hoặc cụm từ mang ý nghĩa số ít sẽ bao hàm cả ý nghĩa số nhiều nếu trong câu văn đó phải hiểu theo nghĩa số nhiều và ngược lại.

ĐIỀU 2. DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

Thông tin, đối tượng, nội dung về Dự Án Chuyển Nhượng theo Hợp Đồng này cụ thể như sau:

- 2.1 Thông tin và nội dung chính của toàn bộ Dự án:
- Tên dự án:
 - Địa điểm:
 - Tổng vốn đầu tư: tỷ đồng (.....). Trong đó:
 - + Vốn chủ sở hữu là: tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 20%);
 - + Vốn vay thương mại và huy động hợp pháp khác là: tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 80%).
 - Quy mô toàn dự án: .
 - Tổng Diện tích sử dụng đất của Dự án: m², trong đó:
 - Tiến độ thực hiện Dự án:
 - Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư lần đầu.
- 2.2 Thông tin, nội dung của Dự Án Chuyển Nhượng²
- Tên Dự Án Chuyển Nhượng: Diện tích đất: m². Nội dung quy hoạch về sử dụng đất của lô đất như sau:
 - Diện tích xây dựng công trình khoảng: m²;
 - Đất cây xanh vườn hoa khoảng: m²;

² Diễn nội dung này nếu chuyển nhượng một phần dự án

- (iii) Đất giao thông: m².
- c) Nội dung về quy hoạch xây dựng:
- Đất xây dựng công trình hỗn hợp: m²;
 - Đất cây xanh vườn hoa: m²
 - Đất giao thông nội bộ: m²
 - Mật độ xây dựng phần đế:%
 - Mật độ xây dựng phần tháp:%
 - Tổng diện tích sàn xây dựng: m²
 - Hệ số sử dụng đất: lần
 - Tổng diện tích tầng hầm (3 tầng): m²
 - Số tầng cao (không bao gồm tầng tum): tầng
 - Chiều cao công trình: m
- b) Tổng vốn đầu tư: tỷ đồng VNĐ. Trong đó:
- (i). Vốn Chủ sở hữu: tỷ đồng
 - (ii). Vốn vay thương mại và huy động hợp pháp khác: tỷ đồng
- c) Tiến độ xây dựng :
- d) Nguồn vốn: Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.
- e) Các nội dung khác:
- 2.3 Chi tiết về Dự án chuyển nhượng được quy định tại Quyết Định Chủ Trương Đầu Tư, Chấp Thuận Quy Hoạch Tổng Mặt Bằng, Giấy Phép Xây Dựng.
- 2.4 Tình hình triển khai xây dựng Dự án chuyển nhượng:
- 2.5 Quyền tiếp tục xây dựng, phát triển, quản lý khai thác kinh doanh Dự án chuyển nhượng, Bên Nhận Chuyển Nhượng được quyền tiếp tục xây dựng, phát triển, quản lý, khai thác kinh doanh bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở các nội dung sau:
- a) Tiếp tục hoàn tất các thủ tục có liên quan về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch liên quan đến Dự án chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, của UBND thành phố Hải Phòng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có liên quan (nếu cần).
 - b) Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng Dự án chuyển nhượng theo quy hoạch đã được phê duyệt.
 - c) Quản lý, khai thác kinh doanh các sản phẩm của Dự án chuyển nhượng.
 - d) Các nội dung khác trong phạm vi thuộc quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư thực hiện Dự án có sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 2.6 Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác mà Bên Chuyển Nhượng phải thực hiện theo quy định trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC VÀ PHẠM VI CHUYỂN NHƯỢNG

Nguyên tắc, phạm vi chuyển nhượng Dự án và quyền tiếp tục xây dựng, phát triển Dự Án Chuyển Nhượng theo Hợp đồng này cụ thể như sau:

- 3.1 Nguyên tắc chuyển nhượng: Việc chuyển nhượng theo Hợp Đồng này sẽ theo các nguyên tắc sau:
- a) Việc chuyển nhượng Dự án và chuyển giao quyền phát triển Dự án là dựa trên tình trạng hiện tại của Dự án, các công trình xây dựng và Khu đất của Dự án vào thời điểm ký kết Hợp đồng này (về cơ bản như được mô tả tại Điều 2 và Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 của Hợp đồng này). Bên Nhận Chuyển Nhượng thừa nhận đã nghiên cứu kỹ, hiểu biết rõ và đầy đủ tình trạng hiện tại của phần Dự án chuyển

nhượng; các công trình xây dựng, Khu đất; việc ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch với các cá nhân, tổ chức (nhà thầu) và không có bất kỳ khiếu nại nào đối với Bên Chuyển Nhượng về những vấn đề này.

- b) Bên Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm thực hiện đối với các nghĩa vụ, các trách nhiệm vật chất, nghĩa vụ tài chính (nếu có) phát sinh từ và/hoặc liên quan đến các giao dịch do Bên Chuyển Nhượng và các nhà đầu tư cùng với Bên Chuyển Nhượng thực hiện trước ngày ký kết Hợp đồng này nếu các hợp đồng/giao dịch này mà không được liệt kê trong Hợp đồng và không được chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng.
- c) Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ các quyền, lợi ích, các nghĩa vụ và tiếp tục thực hiện, triển khai tiếp các Hợp đồng/giao dịch và/hoặc các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan mà đã được Bên Chuyển Nhượng chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng (*có danh mục cụ thể kèm theo Hợp đồng này*) kể cả các nghĩa vụ, trách nhiệm với tư cách là chủ đầu tư đối với Nhà nước liên quan đến phần Dự án nhận chuyển nhượng.
- d) Kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng này thì: (i) Bên Chuyển Nhượng không được chuyển nhượng/bán, hứa bán, đặt cọc, hợp tác, cam kết với bất kỳ bên nào khác mà không phải Bên Nhận Chuyển Nhượng hoặc thực hiện bất kỳ giao dịch gì với tư cách là Chủ đầu tư/Nhà đầu tư hợp tác thực hiện Dự Án Chuyển Nhượng mà có thể gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Bên Nhận Chuyển Nhượng; (ii) Bên Chuyển Nhượng không được đàm phán, ký kết bất kỳ hợp đồng/giao dịch/hoà thuận nào liên quan đến việc thực hiện, triển khai Dự án đầu tư trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bên Nhận Chuyển Nhượng; (iii) Bên Nhận Chuyển Nhượng tự chịu mọi trách nhiệm và rủi ro trước Nhà nước, Bên thứ ba có liên quan và trước pháp luật liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất và hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh của Dự Án Chuyển Nhượng. Để tránh nhầm lẫn, nếu sau thời điểm Hợp Đồng Chuyển Nhượng có hiệu lực mà Bên Chuyển Nhượng phải chịu bất kỳ chi phí, phí tổn, phí, lệ phí, khoản phạt, khoản bồi thường, vụ khiếu nại, vụ kiện tụng, cuộc thanh tra nào, hoặc bất kỳ trách nhiệm nào khác đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng thì Bên Nhận Chuyển Nhượng phải bồi thường đầy đủ mọi khoản tiền phát sinh đó theo yêu cầu của Bên Chuyển Nhượng.
- e) Tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất: Khu đất thuộc Dự án là quỹ đất đối ứng dùng để thanh toán một phần giá trị cho Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy theo hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) Dự án cải tạo chung cư cũ, xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng – Công trình Goldenland 5, xây dựng khu chung cư HH3, HH4 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên không phải nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiền thuê đất. Bên Nhận Chuyển Nhượng đồng ý nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ của Bên Chuyển Nhượng đối với việc nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Dự Án Chuyển Nhượng (nếu còn phải nộp bổ sung mà phát sinh từ thời điểm sau khi ký kết Hợp đồng này).
- f) Giải phóng mặt bằng: Dự án thuộc trường hợp không phải giải phóng mặt bằng vì khu đất thực hiện Dự án do Bên Chuyển Nhượng đã được UBND thành phố Hải

Phòng giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện Dự án đầu tư (Khu đất triển khai Dự án đầu tư là quỹ đất đối ứng dùng để thanh toán một phần giá trị cho Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy theo hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) Dự án cải tạo chung cư cũ, xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng – Công trình Goldenland 5, xây dựng khu chung cư HH3, HH4 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

- g) Thời điểm chuyển giao quyền xây dựng, phát triển Dự Án Chuyển Nhượng: Quyền xây dựng, phát triển Dự Án Chuyển Nhượng sẽ được chuyển giao từ Bên Chuyển Nhượng sang cho Bên Nhận Chuyển Nhượng kể từ thời điểm hai bên ký Biên bản giao Dự án trên thực tế ("Thời điểm chuyển giao").
- h) Kết quả đầu tư kinh doanh: Kể từ Thời điểm chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư đối với Dự Án Chuyển Nhượng theo Hợp Đồng Chuyển Nhượng, Bên Nhận Chuyển Nhượng với vai trò làm Chủ đầu tư thực hiện Dự án, có các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này, Bên Nhận Chuyển Nhượng tự chịu trách nhiệm trước Nhà nước, Bên thứ ba có liên quan và trước pháp luật về mọi hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án (trừ các nghĩa vụ, trách nhiệm phát sinh do Bên Chuyển Nhượng thực hiện trước thời điểm chuyển nhượng và không được chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng theo quy định tại Hợp đồng này). Bên Nhận Chuyển Nhượng được hưởng toàn bộ kết quả thu được từ hoạt động đầu tư, kinh doanh, bao gồm: lợi nhuận, sản phẩm, quyền khai thác dịch vụ và các quyền, lợi ích khác thu được từ Dự án.

3.2 Phạm vi chuyển nhượng, chuyển giao quyền phát triển Dự án chuyển nhượng:

Các Bên thống nhất việc Bên Chuyển Nhượng chuyển nhượng Dự án chuyển nhượng và chuyển giao quyền tiếp tục xây dựng, phát triển Dự án chuyển nhượng cho Bên Nhận Chuyển Nhượng là nhằm chuyển nhượng và chuyển giao toàn bộ các quyền, quyền lợi, lợi ích, nghĩa vụ hợp pháp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Dự án chuyển nhượng cho Bên Nhận Chuyển Nhượng, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở các quyền và nghĩa vụ như:

- a) Quyền sở hữu toàn bộ Dự Án Chuyển Nhượng và các tài sản, các quyền tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng .
- b) Quyền tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình, tiếp tục phát triển Dự Án Chuyển Nhượng , gắn liền với việc thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng, đất đai, quy hoạch... theo quy định của pháp luật có liên quan.
- c) Quyền khai thác, kinh doanh Dự Án Chuyển Nhượng, sản phẩm của Dự Án Chuyển Nhượng, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung:
 - (i) Khai thác, bán sản phẩm, khai thác dịch vụ được phép khai thác, các công trình xây dựng của Dự Án Chuyển Nhượng.
 - (ii) Sở hữu các sản phẩm của Dự Án Chuyển Nhượng không chuyển quyền sở hữu cho khách hàng.
 - (iii) Chuyển nhượng lại Dự Án Chuyển Nhượng theo quy định của Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đầu tư, Luật Đất đai,
 - (iv) Các quyền và lợi ích khác mà theo quy định của pháp luật, chủ đầu tư được quyền khai thác từ Dự Án Chuyển Nhượng.
- d) Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Khu đất có diện tích

m² (Bảng chữ: mét vuông) có địa chỉ tại phường Kênh Dương và phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- e) Quyền được chuyển giao hạ tầng kỹ thuật, được sở hữu tài sản đã đầu tư trên Khu đất của Dự Án Chuyển Nhượng.
- f) Quyền được đề xuất chuyển đổi, điều chỉnh Dự Án Chuyển Nhượng theo quy hoạch.
- g) Các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đối với chủ đầu tư của Dự Án Chuyển Nhượng có sử dụng đất như nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ lập và thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng...
- h) Quyền quyết định phân phối, phân chia sản phẩm, lợi nhuận của Dự Án Chuyển Nhượng.

ĐIỀU 4. TIỀN ĐỘ VÀ TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI CÔNG VIỆC

Các bên đồng ý thống nhất tiến độ và trách nhiệm triển khai công việc theo Hợp Đồng này như sau:

- 4.1 Chấm dứt các quyền, nghĩa vụ của bên thứ ba liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng: Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hợp Đồng Chuyển Nhượng được ký kết thì Bên Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm chấm dứt và hoàn thành việc thanh lý các hợp đồng/thỏa thuận/giao dịch với các Nhà đầu tư thứ cấp (nếu có) và với các bên có liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng.
- 4.2 Bàn giao Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, hồ sơ, tài liệu, giấy tờ và quyền quản lý Dự Án Chuyển Nhượng: Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Hợp Đồng Chuyển Nhượng được ký kết thì Bên Chuyển Nhượng có trách nhiệm bàn giao trên thực tế, thực địa toàn bộ Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất và toàn bộ hồ sơ, giấy tờ, tài liệu có liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất cho Bên Nhận Chuyển Nhượng để Bên Nhận Chuyển Nhượng được toàn quyền sở hữu, quản lý, tiếp tục triển khai xây dựng và định đoạt Dự Án Chuyển Nhượng (*có biên bản bàn giao và danh mục các hồ sơ, tài liệu bàn giao cụ thể kèm theo*).
- 4.3 Thực hiện các thủ tục để thay đổi chủ đầu tư của Dự Án Chuyển Nhượng: Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày Hợp đồng này được ký kết, Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm thực hiện các công việc, các thủ tục để đạt được sự chấp thuận từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc: (i) cho phép Bên Chuyển Nhượng được quyền chuyển nhượng Dự Án Chuyển Nhượng cho Bên Nhận Chuyển Nhượng; (ii) thay đổi Chủ đầu tư đối với Dự Án Chuyển Nhượng. Bên Chuyển Nhượng có trách nhiệm hỗ trợ Bên Nhận Chuyển Nhượng thực hiện, hoàn thiện những thủ tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để Bên Nhận Chuyển Nhượng hoàn thành được các công việc này.
- 4.4 Thay đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ ngày Hợp Đồng Chuyển Nhượng được ký kết thì Bên Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm tiến hành các công việc và thực hiện các thủ tục sang tên trước bạ, thay đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để Bên Chuyển Nhượng được đứng tên là chủ sử dụng đất trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
- 4.5 Thay đổi các hồ, tài liệu giấy tờ khác: Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày

Hợp Đồng Chuyển Nhượng được ký kết thì Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm tiến hành các công việc và thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy phép xây dựng và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu khác có liên quan để Bên Nhận Chuyển Nhượng được đứng tên thay thế Bên Chuyển Nhượng trong Giấy phép xây dựng và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu này theo đúng quy định của pháp luật.

- 4.6 Thay đổi chủ thể hợp đồng/giao dịch: Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày bàn giao Dự án, hồ sơ, tài liệu giấy tờ trên thực tế, thực địa, Bên Chuyển Nhượng và Bên Nhận Chuyển Nhượng phải thực hiện các thủ tục, ký kết các thoả thuận để chuyển chủ thể các hợp đồng/giao dịch/thoả thuận liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng để Bên Nhận Chuyển Nhượng kế thừa toàn bộ các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ và/hoặc liên quan đến các hợp đồng/giao dịch/thoả thuận này theo đúng quy định của pháp luật.
- 4.7 Thực hiện thủ tục đầu tư, kinh doanh: Kể từ thời điểm Bên Chuyển Nhượng hoàn thành việc bàn giao Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất và các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ trên thực tế, thực địa theo Điều 4.2 thì Bên Nhận Chuyển Nhượng có quyền tiếp tục tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng và các thủ tục khác có liên quan đến việc thực hiện, triển khai Dự Án Chuyển Nhượng.
- 4.8 Bên Chuyển Nhượng có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ ký các văn bản, tài liệu hoặc cung cấp các tài liệu cần thiết (ngoại các tài liệu đã bàn giao) trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu và giải trình thỏa đáng của Bên Nhận Chuyển Nhượng, với điều kiện các văn bản, tài liệu do Bên Nhận Chuyển Nhượng yêu cầu cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và không mang lại rủi ro hoặc bất kỳ trách nhiệm, chi phí, phí tổn nào cho Bên Chuyển Nhượng. Cho mục đích của quy định này, Bên Chuyển Nhượng sẽ chỉ ký các giấy tờ để thực hiện các công việc để Bên Nhận Chuyển Nhượng hoàn tất các thủ tục thay đổi Chủ đầu tư, thay đổi các giấy tờ, hồ sơ tài liệu liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng theo đúng quy định của Hợp đồng này.
- 4.9 Trong thời gian Bên Nhận Chuyển Nhượng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận là Chủ đầu tư của Dự Án Chuyển Nhượng thì mọi hoạt động triển khai đầu tư, xây dựng Dự Án Chuyển Nhượng sẽ tiến hành dưới danh nghĩa của Bên Chuyển Nhượng. Toàn bộ các chi phí liên quan đến việc tiếp tục thực hiện, triển khai, xây dựng Dự Án Chuyển Nhượng sẽ do Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm thanh toán và được hạch toán vào các chi phí thực hiện, triển khai Dự Án Chuyển Nhượng của Bên Nhận Chuyển Nhượng. Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm cử người đứng ra quản lý, điều hành việc triển khai xây dựng Dự Án Chuyển Nhượng theo đúng quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG TẠM TÍNH VÀ CHI PHÍ TRIỂN KHAI CÔNG VIỆC

- 5.1 Các Bên đồng ý rằng tổng giá chuyển nhượng tạm tính của Dự Án Chuyển Nhượng được quy định tại Phụ lục 1 Hợp Đồng này.
- 5.2 Tổng Tiền Chuyển Nhượng Tạm Tính theo Phụ lục 1 Hợp Đồng này chưa bao gồm tiền phí công chứng, phí ngân hàng; thuê, phí và lệ phí sang tên trước bạ; tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền phạt chậm nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiền thuê đất của Khu đất liên quan đến việc thay đổi mục tiêu, quy

mô Dự Án Chuyển Nhượng (nếu có).

ĐIỀU 6. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phương thức thanh toán và tiến độ thanh toán của Bên Nhận Chuyển Nhượng được quy định cụ thể như sau:

- 6.1 Phương thức thanh toán: Việc thanh toán Tổng Tiền Chuyển Nhượng Tạm Tính theo Hợp đồng này sẽ được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên Chuyển Nhượng do Bên Chuyển Nhượng chỉ định bằng văn bản vào từng thời điểm thanh toán.
- 6.2 Đồng tiền thanh toán: Bằng Tiền Việt Nam đồng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 6.3 Tiến độ thanh toán: Các Bên sẽ thỏa thuận cụ thể tiến độ thanh toán tại Hợp Đồng Chuyển Nhượng.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

- 7.1 Được quyền yêu cầu Bên Nhận Chuyển Nhượng thanh toán và được nhận Tổng Tiền Chuyển Nhượng theo đúng các cam kết và tiến độ trong Hợp Đồng Chuyển Nhượng.
- 7.2 Chịu trách nhiệm bàn giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng toàn bộ Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất và toàn bộ hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất và kết quả thực hiện các công việc liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng cho đến ngày bàn giao theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng này.
- 7.3 Ký, đóng dấu các văn bản, tài liệu do Bên Nhận Chuyển Nhượng chuẩn bị và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cung cấp cho Bên Nhận Chuyển Nhượng các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ cần thiết và hợp lý để Bên Nhận Chuyển Nhượng thực hiện các thủ tục, công việc để đạt được Văn bản chấp thuận, đồng ý từ Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác liên quan đến việc chuyển nhượng một phần Dự án, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng kể cả ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và/hoặc Hợp đồng khác theo yêu cầu của Bên Nhận Chuyển Nhượng và/hoặc của các cơ quan nhà nước để Bên Nhận Chuyển Nhượng được toàn quyền sở hữu Dự Án Chuyển Nhượng, là chủ sử dụng Khu đất.
- 7.4 Đảm bảo Dự Án Chuyển Nhượng, các tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất theo Hợp đồng này là thuộc quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Bên Chuyển Nhượng; Dự Án Chuyển Nhượng không thuộc trường hợp bị thu hồi, Khu đất và Dự Án Chuyển Nhượng không bị mua bán, thế chấp, cầm cố, cho, tặng, hứa cho, hứa tặng, góp vốn, ủy quyền, cho thuê, đăng ký giao dịch bảo đảm, xác nhận thế chấp hoặc là đối tượng của các hình thức bảo đảm khác; không có bất kỳ tranh chấp và/hoặc hạn chế quyền sở hữu, hạn chế quyền sử dụng với bất kỳ cá nhân/tổ chức nào; không liên hệ để hợp tác, chuyển nhượng hoặc thực hiện các giao dịch khác liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng mà có thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên Nhận Chuyển Nhượng sau khi ký kết Hợp đồng này.
- 7.5 Đảm bảo tư cách pháp lý khi tham gia ký kết Hợp đồng này, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Bên Chuyển Nhượng.
- 7.6 Bàn giao mặt bằng, mốc giới Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản Dự Án Chuyển Nhượng và Khu đất tại thực địa cùng hồ sơ, giấy tờ pháp lý cho Bên Nhận

- Chuyển Nhượng theo đúng quy định trong Hợp đồng này.
- 7.7 Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và đúng thời hạn nội dung các công việc được quy định tại Điều 4 và tại các điều khoản khác của Hợp đồng này.
- 7.8 Thanh lý chấm dứt toàn bộ các hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, nghĩa vụ đã ký kết/giao kết với các nhà đầu tư thứ cấp và/hoặc với bên thứ ba khác (nếu có) trước thời điểm ký kết Hợp Đồng Chuyển Nhượng, ngoại trừ các hợp đồng/giao dịch/thỏa thuận và/hoặc các nghĩa vụ được chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng theo Hợp đồng này.
- 7.9 Không được thực hiện bất kỳ hành vi nào làm ảnh hưởng hoặc có thể làm ảnh hưởng bất lợi đến Bên Nhận Chuyển Nhượng và/hoặc các tài sản của Bên Nhận Chuyển Nhượng và/hoặc tạo ra các nghĩa vụ ràng buộc và/hoặc có tính chất tương tự đối với Bên Nhận Chuyển Nhượng và/hoặc Dự Án Chuyển Nhượng.
- 7.10 Bên Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho Bên Nhận Chuyển Nhượng tương ứng với số tiền mà Bên Chuyển Nhượng được Bên Nhận Chuyển Nhượng thanh toán theo Hợp Đồng Chuyển Nhượng.
- 7.11 Chịu trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ và giúp đỡ Bên Nhận Chuyển Nhượng trong việc xin thay đổi chủ đầu tư, chuyển quyền sử dụng đất, đăng ký sang tên trước bạ Khu đất, thay đổi hồ sơ, giấy tờ liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng sang cho Bên Nhận Chuyển Nhượng để Bên Nhận Chuyển Nhượng chính thức là chủ đầu tư của Dự Án Chuyển Nhượng theo đúng quy định của pháp luật.
- 7.12 Chịu các chi phí phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ và/hoặc trách nhiệm theo cam kết trong Hợp đồng này kể cả trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân có liên quan; phí, lệ phí và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng một phần Dự án; các chi phí liên quan đến việc thực hiện các thủ tục hành chính mà Bên Chuyển Nhượng phải thực hiện theo Hợp đồng này.
- 7.13 Chịu trách nhiệm đóng các loại thuế, phí, lệ phí có liên quan đến khoản thu nhập có được theo Hợp đồng này.
- 7.14 Được hưởng các quyền và chịu trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ khác theo cam kết trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

- 8.1 Được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được chuyển giao theo quy định tại Hợp đồng này; được quyền chủ động lập hồ sơ, tài liệu để xin thay đổi Dự Án Chuyển Nhượng theo phương hướng, mục tiêu đầu tư của Bên Nhận Chuyển Nhượng sau khi Bên Nhận Chuyển Nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đồng ý là Chủ đầu tư của Dự Án Chuyển Nhượng.
- 8.2 Được toàn quyền tiếp tục triển khai và chịu trách nhiệm về việc triển khai Dự Án Chuyển Nhượng đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và tiến độ đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đồng ý kể từ thời điểm nhận bàn giao Dự án trên thực tế.
- 8.3 Được toàn quyền sở hữu Dự Án Chuyển Nhượng, các tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, được quyền sử dụng Khu đất theo đúng thỏa thuận trong Hợp Đồng Chuyển Nhượng này kể từ thời điểm hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đồng ý là Chủ đầu tư của Dự Án Chuyển Nhượng.
- 8.4 Được quyền cử người tham gia quản lý, điều hành Dự Án Chuyển Nhượng kể từ thời

- điểm ký Hợp đồng này.
- 8.5 Được sở hữu đầy đủ và toàn bộ sản phẩm, lợi nhuận thu được từ Dự Án Chuyển Nhượng.
 - 8.6 Yêu cầu Bên Chuyển Nhượng bàn giao mặt bằng, mốc giới Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất trên thực địa và hồ sơ, giấy tờ pháp lý của Dự Án Chuyển Nhượng theo quy định của Hợp đồng này; tiếp nhận, quản lý mặt bằng Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất, hồ sơ, tài liệu của Dự Án Chuyển Nhượng theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng này kể từ thời điểm nhận bàn giao trên thực địa, thực tế.
 - 8.7 Yêu cầu Bên Chuyển Nhượng hỗ trợ trong việc thực hiện những thủ tục, công việc cần thiết tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đạt được Văn bản chấp thuận từ Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác liên quan đến việc chuyển nhượng Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng theo đúng quy định trong Hợp đồng này.
 - 8.8 Thanh toán đầy đủ, đúng hạn và theo đúng phương thức Tổng Tiền Chuyển Nhượng cho Bên Chuyển Nhượng theo đúng cam kết trong Hợp Đồng Chuyển Nhượng.
 - 8.9 Chịu trách nhiệm đóng các loại thuế, phí và lệ phí khác (nếu có) khi thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đất tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc chuyển nhượng kể từ thời điểm Hợp Đồng Chuyển Nhượng được ký kết.
 - 8.10 Nhận và ký biên bản giao nhận Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất và các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ của Dự Án Chuyển Nhượng do Bên Chuyển Nhượng chuyển giao theo đúng nội dung đã thống nhất trong Hợp đồng này.
 - 8.11 Chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục liên quan đến thay đổi Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy phép xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các hồ sơ cấp phép và/hoặc đạt được mọi sự chấp thuận từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc thay đổi Chủ đầu tư cho đến khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận Bên Nhận Chuyển Nhượng là Chủ đầu tư của Dự Án Chuyển Nhượng.
 - 8.12 Được hưởng các quyền và chịu trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ khác theo cam kết trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 9.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được ký và đóng dấu bởi người đại diện có thẩm quyền của các Bên.
- 9.2 Mọi sửa đổi hay bổ sung Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và được đại diện hợp pháp của các Bên ký tên, đóng dấu.
- 9.3 Hợp đồng này và các Phụ lục (nếu có) tạo thành một Hợp đồng thống nhất, không thể tách rời. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì mà một điều khoản bất kỳ của Hợp đồng này bị vô hiệu thì điều khoản đó sẽ là riêng biệt, được hủy bỏ và không làm ảnh hưởng đến những điều khoản khác của Hợp đồng và hiệu lực của Hợp đồng. Các Bên sẽ cùng bàn bạc, thảo luận để sửa đổi, bổ sung thay thế các điều khoản bị vô hiệu trên cơ sở các nguyên tắc và nội dung cơ bản của Hợp đồng này.
- 9.4 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
 - a) Khi có Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư của Dự Án Chuyển Nhượng. Trong trường hợp này, tiếp theo hai bên sẽ chính thức ký Hợp Đồng Chuyển Nhượng Dự Án.

- b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền không chấp thuận, không đồng ý cho phép Dự Án Chuyển Nhượng được chuyển nhượng từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng. Trong trường hợp này, các bên sẽ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận từ Hợp đồng này.
- 9.5 Không Bên nào được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước chấm dứt Hợp đồng này trừ các trường hợp chấm dứt nêu trên.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1 Một Bên không phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại do Bên đó không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này trong trường hợp việc không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện đó là do hỏa hoạn, phóng xạ, chiến tranh, động đất, bão tố, lũ lụt, bệnh dịch; các hành động của chính phủ, quan chức chính phủ, quy định của pháp luật; Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có văn bản không chấp thuận/không đồng ý cho phép Bên Chuyển Nhượng được quyền chuyển nhượng Dự án cho Bên Nhận Chuyển Nhượng mà đã được các Bên dự liệu trong Hợp đồng này và các sự kiện khác được quốc tế công nhận là Sự kiện Bất khả kháng, trường hợp việc xảy ra hoặc hậu quả của các sự kiện này là không thể lường trước, không thể tránh khỏi và không thể vượt qua dù đã cố gắng hợp lý. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện Bất khả kháng phải thông báo ngay cho Bên còn lại, và trong vòng mười lăm (15) ngày sau đó phải thông báo bằng văn bản, về những thông tin cụ thể liên quan đến các sự kiện và các nguyên nhân cản trở hoặc làm chậm trễ việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần trong Hợp đồng này;
- 10.2 Thông qua bàn bạc, các Bên sẽ quyết định nên ngưng lại hoặc kéo dài thời gian thực hiện, hoặc bỏ qua một số nghĩa vụ trong Hợp đồng này, tùy vào mức độ nghiêm trọng của sự kiện. Nếu Sự kiện Bất khả kháng đó cản trở và tiếp tục cản trở việc thực hiện Hợp đồng này trong một thời gian liên tục kéo dài hơn hai mươi bốn (24) tháng, thì các Bên sẽ bàn bạc thỏa thuận thanh lý Hợp đồng này theo nguyên tắc tôn trọng các quyền, lợi ích hợp pháp của nhau cũng như các tổn thất mà các bên phải chịu.
- 10.3 Sau khi Sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho các Bên còn lại, sau đó trong vòng mười lăm (15) ngày sau đó phải gửi thông báo bằng văn bản cho các Bên còn lại. Bên bị cản trở bởi Sự kiện Bất khả kháng phải thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để giảm thiểu và khắc phục những hậu quả do Sự kiện Bất khả kháng gây ra và phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này ngay khi có thể sau khi Sự kiện Bất khả kháng chấm dứt;
- 10.4 Một Sự kiện Bất khả kháng không giải trừ một Bên khỏi trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đã phát sinh trước khi xảy ra sự kiện đó. Sự kiện Bất khả kháng cũng không ảnh hưởng gì đến nghĩa vụ trả tiền đúng hạn trước khi xảy ra sự kiện đó.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO

- 11.1 Thông báo cho một Bên phải được lập bằng văn bản và phải được giao trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm hoặc chuyển fax tới địa chỉ pháp lý của Bên nhận;
- 11.2 Địa chỉ pháp lý của mỗi Bên là địa chỉ của Bên đó nêu tại phần đầu của Hợp đồng này hoặc Địa chỉ pháp lý khác mà Bên đó đã thông báo cho Bên còn lại phù hợp với quy định tại Điều này và đã được Bên đó đăng ký với Cơ quan Cấp phép.
- 11.3 Một thông báo được coi là đã gửi vào ngày gửi nếu chuyển tận tay hoặc ngày chuyển fax có báo nhận (kể cả việc báo nhận bằng fax) hoặc vào ngày nhận được thông báo

xác nhận nếu được chuyển bằng thư bảo đảm trừ trường hợp ngày đó là ngày thứ bảy, ngày chủ nhật hay ngày nghỉ lễ, trong trường hợp này thì thông báo được coi là đã được trao vào ngày ngày hôm sau mà không phải là ngày thứ bảy, ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ như vậy;

- 11.4. Từng thông báo hoặc liên lạc hoặc tài liệu khác được gửi hoặc được giao từ hoặc tới một trong hai Bên liên quan đến Hợp đồng này sẽ là bằng tiếng Việt.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT

12.1. Trừ trường hợp quy định khác tại Điều 12.2 mọi Thông tin Mật chuyển giữa các Bên liên quan đến hoặc căn cứ theo Hợp đồng này (cho dù trước hay sau thời điểm ký Hợp đồng này) được coi là mật và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, sử dụng hoặc khai thác cho lợi ích hoặc mục đích của chính Bên đã cung cấp thông tin trong thời gian Hợp đồng này có hiệu lực.

12.2. Không áp dụng các hạn chế quy định theo Điều 12.1:

- a) Nếu Thông tin Mật đó đã có trong công chúng hoặc được công bố công khai chứ không phải do vi phạm quy định trong Hợp đồng này;
- b) Nếu Bên đó hoặc đại diện của Bên đó có được Thông tin Mật từ (các) bên thứ ba một cách hợp pháp;
- c) Nếu Thông tin Mật đã được một bên thứ ba biết được trước khi có bất kỳ sự tiết lộ nào;
- d) Nếu phải cung cấp Thông tin Mật theo quy định của Pháp luật Việt Nam;
- e) Nếu Thông tin Mật được tiết lộ cho các nhà tư vấn hoặc luật sư của một Bên để được tư vấn chuyên môn với điều kiện là các nhà tư vấn đó cũng phải tuân thủ các nghĩa vụ bảo mật quy định tại Hợp đồng này;
- f) Với sự đồng ý của Bên hoặc các Bên mà Thông tin Mật thuộc về Bên hoặc các Bên đó;
- g) Các quy định tại Hợp đồng này là mật và các Bên cam kết với nhau không tiết lộ các nội dung trong Hợp đồng này hay bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu không có văn bản chấp thuận trước của các Bên còn lại trừ khi Luật pháp yêu cầu;
- h) Từng Bên sẽ yêu cầu nhân viên, đại diện và đại lý của mình tuân thủ các quy định tại Điều 12 này.

ĐIỀU 13. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

13.1. Bên Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm trước Bên Nhận Chuyển Nhượng và trước pháp luật về những cam kết như sau:

- a) Bên Chuyển Nhượng cam kết sẽ chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng hạn về toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên Chuyển Nhượng theo đúng Hợp đồng này.
- b) Các thông tin, tài liệu, giấy tờ cung cấp cho Bên Nhận Chuyển Nhượng là đúng sự thật, là hợp pháp, không có bất kỳ sự lừa dối nào; hiện Dự Án Chuyển Nhượng chưa bán sản phẩm, chưa huy động vốn của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào.
- c) Có quyền hạn và thẩm quyền cần thiết để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này;
- d) Sẽ thực hiện bất kỳ biện pháp nào để Hợp đồng này có đầy đủ hiệu lực, ràng buộc và có khả năng thực thi về mặt pháp lý giữa các Bên và với các bên

- thứ ba;
- e) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
 - f) Có quyền hợp pháp để thực hiện Hợp đồng này. Việc giao kết Hợp đồng này tạo ra các quyền và nghĩa vụ tương ứng của Bên Chuyển Nhượng;
 - g) Hợp đồng này tạo ra các nghĩa vụ có tính ràng buộc đối với Bên Chuyển Nhượng phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng này.
- 13.2 Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm trước Các Bên và trước pháp luật về những cam kết như sau:
- a) Những thông tin về Bên Nhận Chuyển Nhượng đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
 - c) Bên Nhận Chuyển Nhượng đã được cung cấp, được giải thích đầy đủ và hiểu rõ các thông tin liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng của Bên Chuyển Nhượng theo Hợp đồng này;
 - d) Bên Nhận Chuyển Nhượng đã trực tiếp xem xét, kiểm tra và thẩm định Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất và các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng là thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng của Bên Chuyển Nhượng trên thực tế;
 - e) Bên Nhận Chuyển Nhượng có đầy đủ khả năng và năng lực tài chính để thực hiện Hợp đồng này;
 - f) Hợp đồng này tạo ra các nghĩa vụ có tính ràng buộc đối với Bên Nhận Chuyển Nhượng phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng này.
- 13.3 Nếu bất kỳ cam đoan nào trên đây của một Bên là sai hay không chính xác về bất kỳ phương diện nào thì việc đó sẽ cấu thành một vi phạm của Bên đó đối với Hợp đồng này và vi phạm đó có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đối với việc thực hiện Hợp đồng và bên kia có quyền thông báo bằng văn bản về sự vi phạm tới Bên vi phạm;
- 13.4 Các quyền và biện pháp khắc phục của một bên đối với bất cứ vi phạm cam đoan nào sẽ không bị ảnh hưởng bởi thời điểm ký kết Hợp đồng này và các cam đoan vẫn có hiệu lực sau Ngày ký kết.

ĐIỀU 14. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 14.1 Trong trường hợp bất kỳ Bên nào không thực hiện hoặc không tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ tương ứng nào của mình theo Hợp đồng này mà không khắc phục vi phạm trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên có quyền (Bên bị vi phạm), Bên đó sẽ được xem là đã vi phạm Hợp đồng này. Việc vi phạm Hợp đồng sẽ được xem là vi phạm tiếp tục cho đến khi vi phạm đó được khắc phục phù hợp với các điều khoản liên quan của Hợp đồng này và/hoặc được Bên không vi phạm từ bỏ.
- 14.2 Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:
- a) Nếu Bên Chuyển Nhượng vi phạm các nghĩa vụ, trách nhiệm đã cam kết trong Hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng này bị chấm dứt trước thời hạn và/hoặc quyền lợi của Bên Nhận Chuyển Nhượng không đạt được theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này thì Bên Chuyển Nhượng bị phạt cọc với số tiền tương đương số tiền mà Bên Nhận Chuyển Nhượng đã đặt cọc và phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền và các chi phí thực tế mà Bên Nhận Chuyển Nhượng đã thanh toán cho Bên Chuyển Nhượng và/hoặc đã bỏ ra, kể cả các chi phí khác được các bên thỏa thuận phát sinh

từ và/hoặc có liên quan đến Hợp đồng này. Bên Nhận Chuyển Nhượng được lấy lại toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên Chuyển Nhượng. Đồng thời Bên Chuyển Nhượng chịu phạt 8% tính trên Tổng Tiền Chuyển Nhượng theo Hợp đồng này và phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại trực tiếp và/hoặc gián tiếp có liên quan cho Bên Nhận Chuyển Nhượng bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở lãi suất ngân hàng theo mức lãi suất mà ngân hàng Vietcombank cho vay, chi phí cơ hội, chi phí thẩm định, chi phí đi lại, chi phí luật sư và các chi phí khác.

- b) Nếu Bên Nhận Chuyển Nhượng vi phạm các nghĩa vụ, trách nhiệm đã cam kết trong Hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng này bị chấm dứt trước thời hạn thì Bên Nhận Chuyển Nhượng bị mất tiền đặt cọc và chịu phạt 8% tính trên Tổng Tiền Mua Bán theo Hợp đồng này. Đồng thời, Bên Nhận Chuyển Nhượng phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại trực tiếp và/hoặc gián tiếp có liên quan cho Bên Chuyển Nhượng bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở lãi suất ngân hàng theo mức lãi suất mà ngân hàng Vietcombank cho vay, chi phí cơ hội, chi phí thẩm định, chi phí đi lại, chi phí luật sư và các chi phí khác.

- 14.3 Nếu vi phạm vẫn tiếp diễn sau khi hết thời hạn 10 (Mười) ngày nêu tại Điều 14.1 và vi phạm đó không được Bên vi phạm khắc phục, thì vụ việc sẽ được giải quyết căn cứ vào Điều 15 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 15. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 15.1 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh bất đồng, mâu thuẫn, tranh chấp (sau đây gọi chung là “Tranh chấp”), Các Bên cùng nhau thương lượng hoà giải để giải quyết theo nguyên tắc thiện chí và tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không thể giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh Tranh chấp thì một trong Các Bên có quyền đưa Tranh chấp ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và quy tắc tổ tụng của Trung tâm trọng tài. Trong quá trình giải quyết Tranh chấp, Hợp đồng này sẽ tiếp tục được thực hiện, trừ phần nội dung là đối tượng của Tranh chấp. Ngôn ngữ xét xử là tiếng Việt. Địa điểm xét xử là tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- 15.2 Phán quyết của Trọng tài sẽ có hiệu lực ràng buộc và bắt buộc thực hiện đối với các Bên nêu trong phán quyết. Chi phí và phí tổn phát sinh từ việc xét xử của Trọng tài căn cứ theo quyết định của Trọng tài hoặc trong trường hợp Trọng tài không có quyết định về vấn đề này thì sẽ do Bên thua chịu.

ĐIỀU 16. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

- 16.1 Hợp đồng này quy định đúng các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Bên trong Hợp đồng này đối với Bên kia kể từ ngày ký kết. Bất cứ Hợp đồng, cam kết, bản ghi nhớ, đàm phán, thông lệ hay cam đoan nào trước đây không được ghi rõ trong Hợp đồng này sẽ không còn hiệu lực.

- 16.2 Các Bên sẽ làm, và sẽ yêu cầu Công ty và/hoặc người đại diện của mình làm, tất cả các việc được nêu trong Hợp đồng này là được làm bởi Bên đó hoặc bởi Công ty, tùy từng trường hợp, và tất cả các việc khác (bao gồm nhưng không giới hạn đến việc ký kết các Hợp đồng, các biên bản họp, các giấy ủy quyền) cần thiết để thực hiện các ý định, các mục đích và các điều khoản của Hợp đồng này một cách khẩn trương.

- 16.3 Việc bất kỳ Bên nào bỏ qua một vi phạm một hay nhiều quy định của Hợp đồng này sẽ không được hiểu là một sự bỏ qua một vi phạm tiếp theo, cho dù có tính chất tương tự hoặc khác nhau.

- 16.4 Nếu pháp luật có yêu cầu khác thì Các bên đều phải có trách nhiệm hỗ trợ lẫn nhau để quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng này được thực thi một cách hợp pháp;

- 16.5 Hợp đồng này gồm 16 (Mười sáu) điều, (không kể các Phụ lục) và được lập thành 06 (Sáu) bộ gốc bằng tiếng Việt, Bên Chuyển Nhượng giữ 03 (Ba) bộ gốc, Bên Nhận Chuyển Nhượng giữ 03 (Ba) bộ gốc. 06 (Sáu) bộ gốc có giá trị pháp lý như nhau;
- 16.6 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
Các Bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này. Các bên đã tự đọc Hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng. **ĐỂ LÀM BẰNG**, Hợp đồng này được các đại diện có thẩm quyền của các bên ký vào ngày tháng năm như ghi ở phần đầu trên.

Thay mặt và đại diện
BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

Thay mặt và đại diện
BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

PHỤ LỤC 1:
TỔNG TIỀN CHUYỂN NHƯỢNG PHÂN DỰ ÁN TẠM TÍNH

1. Các Bên đồng ý rằng Giá chuyển nhượng Dự Án Chuyển Nhượng, tài sản của Dự Án Chuyển Nhượng, Khu đất, các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Dự Án Chuyển Nhượng và các chi phí để Bên Chuyển Nhượng thực hiện, triển khai các công việc như được nêu tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng này được tạm tính là:(sau đây gọi tắt là "Tổng Tiền Chuyển Nhượng Tạm Tính"). Cụ thể:

STT	Hạng mục/Nội dung	Diện tích	Đơn giá (đồng/m ²)	Tổng cộng (đồng)
I	Giá trị quyền sử dụng Khu đất m ²		
II	Toàn bộ chi phí đầu tư của Bên Chuyển Nhượng đối với Dự Án Chuyển Nhượng từ giai đoạn Dự Án xin chấp thuận chủ trương đầu tư/phê duyệt tổng mặt bằng cho đến thời điểm ngày ký Hợp đồng nguyên tắc			
Tổng cộng (I + II)				
<i>Bảng chữ:</i>				

Ghi chú:

- Tổng Tiền Chuyển Nhượng Tạm Tính nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mà Bên Chuyển Nhượng đã thực hiện với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chi trả cho bên thứ ba liên quan đến các hợp đồng/giao dịch/thỏa thuận mà được chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng cho đến thời điểm Hợp đồng này được ký kết và các loại thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi hai Bên hoàn thành, ký kết Biên bản thanh lý, chấm dứt Hợp Đồng Chuyển Nhượng này.
- Tổng Tiền Chuyển Nhượng Tạm Tính nêu trên đã bao gồm các chi phí, công sức cho Bên Chuyển Nhượng và/hoặc cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ để Bên Chuyển Nhượng hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định trong Hợp đồng này và Hợp Đồng Chuyển Nhượng.
- Đặt cọc đảm bảo việc ký kết Hợp Đồng Chuyển Nhượng: Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ đặt cọc cho Bên Chuyển Nhượng một khoản tiền để đảm bảo cho việc ký kết Hợp Đồng Chuyển Nhượng sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cho phép chuyển nhượng và chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư Dự Án Chuyển Nhượng. Số tiền đặt cọc sẽ được khấu trừ vào đợt thanh toán số 1 tại Hợp Đồng Chuyển Nhượng là:đồng (Bảng chữ:.....).

PHỤ LỤC 2:
CÁC HỒ SƠ PHÁP LÝ CHÍNH CỦA DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

PHỤ LỤC 3:
THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG
DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Dự án đã khởi công xây dựng các công trình xây dựng vào ngày
2. Đến ngày ký Hợp đồng nguyên tắc này, Bên Chuyển Nhượng đã ký tổng cộng hợp đồng với các cá nhân/tổ chức để thực hiện, triển khai Dự án với tổng giá trị các hợp đồng làVNĐ (.....đồng) và đã thanh toán cho các cá nhân/tổ chức tổng cộng VNĐ (..... đồng) *(có danh mục các hợp đồng, giá trị hợp đồng và tình hình thanh toán hợp đồng đến ký Hợp Đồng này cụ thể kèm theo).*
3. Thông tin về việc triển khai xây dựng các công trình cho đến ngày ký Hợp Đồng này cụ thể như sau:
 - a) Tiến độ xây dựng
 - b) Tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
 - c) Tiến độ xây dựng công trình đường giao thông:

PHỤ LỤC 6:
DANH MỤC CÁC HỒ SƠ, TÀI LIỆU, GIẤY TỜ CÁC BÊN CUNG CẤP ĐỂ
CHỨNG MINH THẨM QUYỀN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

1. Danh mục các tài liệu, giấy tờ do Bên Chuyển Nhượng cung cấp bao gồm:

STT	Nội dung	Số lượng	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
1.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	01	Bản phô tô có chứng thực	
2.	Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	01	Bản sao y có xác nhận của người có thẩm quyền	
3.	Biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy về việc đồng ý, chấp thuận việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Dự án	01	Bản chính có dấu đỏ của Công ty	

2. Danh mục các tài liệu, giấy tờ do các Bên Nhận Chuyển Nhượng cung cấp bao gồm:

STT	Nội dung	Số lượng	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
1.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	01	Bản phô tô có chứng thực	
2.	Điều lệ Công ty	01	Bản phô tô có xác nhận của Công ty	
3.	Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc chấp thuận, đồng ý nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Dự án	01	Bản phô tô có xác nhận của Công ty	

DỰ THẢO

**HỢP ĐỒNG
CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

VỚI

CÔNG TY

Về việc chuyển nhượng Dự án đầu tưtại

.....

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ (HOẶC MỘT PHẦN)
DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹
Số...../.....

CĂN CỨ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Bộ luật dân sự**”);
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật đầu tư**”);
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật đất đai**”);
- Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật kinh doanh bất động sản**”);
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật Nhà ở**”);
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“**Luật Đầu tư**”);
- Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất Đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất Đai;
- Căn cứ Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư số:...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chấp thuận điều chỉnh Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tại
-²

Hai bên chúng tôi gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

¹ Trong trường hợp Nhà nước có sửa đổi, thay thế mẫu và/hoặc sửa đổi nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng dự án được quy định tại dự thảo Hợp đồng này thì các bên thỏa thuận lại nội dung Hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm ký kết Hợp đồng chính thức.

² Các văn bản/hồ sơ pháp lý khác của dự án tại thời điểm ký kết Hợp đồng.

- Địa chỉ: số 116 Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200117929
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Điện thoại: Fax:..... Email:.....
- Tài khoản:Tại Ngân hàng:
- Mã số thuế: 0200117929

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
- Người đại diện theo pháp luật:.....Chức vụ:.....
- Điện thoại: Fax:..... Email:.....
- Tài khoản:Tại Ngân hàng:
- Mã số thuế:

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ (hoặc một phần)³ dự án (sau đây gọi chung là “**Hợp đồng**”) với các nội dung sau:

ĐIỀU 1 THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN, PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Nội dung chính của dự án chuyển nhượng:

- Tên dự án:
- Địa chỉ:
- Diện tích đất:
- Thông tin về quy hoạch sử dụng đất:
- Thông tin về quy hoạch xây dựng:.....
- Thông tin về công trình xây dựng (tổng diện tích sàn xây dựng, diện tích sàn nhà ở:
- Tổng mức đầu tư:
- Số lượng và cơ cấu sản phẩm bất động sản:
- Tiến độ dự án:

2. Nội dung chính của phần dự án chuyển nhượng⁴:

- Tên phần dự án chuyển nhượng:
- Địa chỉ:
- Diện tích đất:
- Thông tin về quy hoạch sử dụng đất:

³ Diễn cụ thể loại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần theo từng thỏa thuận cụ thể tại thời điểm ký Hợp đồng.

⁴ Chỉ ghi nội dung này đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án bất động sản. Trong trường hợp này thuật ngữ “Dự án” được ghi tại Hợp đồng này sẽ được sửa đổi, thay thế thành “phần Dự án chuyển nhượng” hoặc “phần Dự án” cho phù hợp.

- Thông tin về quy hoạch xây dựng:.....
- Nội dung về công trình xây dựng (tổng diện tích sàn xây dựng, diện tích sàn nhà ở:
- Tổng vốn đầu tư:
- Số lượng và cơ cấu sản phẩm bất động sản:
- Tiến độ thực hiện:

ĐIỀU 2 THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẾN THỜI ĐIỂM CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ (HOẶC MỘT PHẦN) DỰ ÁN

1. Về giải phóng mặt bằng:
2. Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
3. Về xây dựng công trình:
4. Việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với Nhà nước của dự án, phần dự án chuyển nhượng:
5. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với dự án, phần dự án chuyển nhượng:
6. Thông tin khác:
7. Cam kết của Bên Chuyển Nhượng về thông tin kết quả thực hiện đến thời điểm chuyển nhượng toàn bộ (hoặc một phần) dự án:

ĐIỀU 3 CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Bên Chuyển Nhượng có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật để đăng ký quyền sử dụng đất cho Bên Nhận Chuyển Nhượng tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trừ trường hợp Bên Nhận Chuyển Nhượng tự nguyện làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày hợp đồng này được ký kết, Bên Chuyển Nhượng có trách nhiệm thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất cho Bên Nhận Chuyển Nhượng tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Bên Nhận Chuyển Nhượng có trách nhiệm phối hợp với Bên Chuyển Nhượng thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp dự án đang sử dụng đất thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì các bên làm thủ tục thay đổi người sử dụng đất từ bên chuyển nhượng sang bên nhận chuyển nhượng dự án theo quy định của pháp luật về đất đai.

ĐIỀU 4 GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG

- a) Các Bên đồng ý rằng tổng giá chuyển nhượng được quy định tại Phụ lục 1 Hợp Đồng này.
- b) Tổng Tiền Chuyển Nhượng theo Phụ lục 1 Hợp Đồng này chưa bao gồm tiền phí công chứng, phí ngân hàng; thuế, phí và lệ phí sang tên trước bạ; tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền phạt chậm nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiền thuê đất của Khu đất liên quan đến việc thay đổi mục tiêu, quy mô dự án (nếu có).
- c) Phạm vi chuyển nhượng, chuyển giao quyền phát triển dự án (hoặc một phần dự án):

Các Bên thống nhất việc Bên Chuyển Nhượng chuyển nhượng dự án nêu tại khoản.....Điều 1 Hợp đồng này và chuyển giao quyền tiếp tục xây dựng, phát triển Dự

án cho Bên Nhận Chuyển Nhượng là nhằm chuyển nhượng và chuyển giao toàn bộ các quyền, quyền lợi, lợi ích, nghĩa vụ hợp pháp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến dự án cho Bên Nhận Chuyển Nhượng, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở các quyền và nghĩa vụ như:

- ✓ Quyền sở hữu toàn bộ dự án và các tài sản, các quyền tài sản của dự án.
- ✓ Quyền tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình, tiếp tục phát triển dự án, gắn liền với việc thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng, đất đai, quy hoạch... theo quy định của pháp luật có liên quan.
- ✓ Quyền khai thác, kinh doanh dự án, sản phẩm của dự án, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung:
 - Khai thác, bán sản phẩm, khai thác dịch vụ được phép khai thác, các công trình xây dựng của dự án.
 - Sở hữu các sản phẩm của dự án không chuyển quyền sở hữu cho khách hàng.
 - Chuyển nhượng lại dự án theo quy định của Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đầu tư, Luật Đất đai,
 - Các quyền và lợi ích khác mà theo quy định của pháp luật, chủ đầu tư được quyền khai thác từ dự án.
- ✓ Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với dự án có diện tíchm2 (.....mét vuông) có địa chỉ tại
- ✓ Quyền được chuyển giao hạ tầng kỹ thuật, được sở hữu tài sản đã đầu tư trên Khu đất của dự án.
- ✓ Quyền được đề xuất chuyển đổi, điều chỉnh dự án theo quy hoạch.
- ✓ Các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đối với chủ đầu tư của dự án có sử dụng đất như nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ lập và thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng...
- ✓ Quyền quyết định phân phối, phân chia sản phẩm, lợi nhuận của dự án.

ĐIỀU 5 PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phương thức thanh toán và tiến độ thanh toán của Bên Nhận Chuyển Nhượng được quy định cụ thể như sau:

1. Phương thức thanh toán: Việc thanh toán Tổng Tiền Chuyển Nhượng theo Hợp đồng này sẽ được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên Chuyển Nhượng do Bên Chuyển Nhượng chỉ định bằng văn bản vào từng thời điểm thanh toán.
2. Đồng tiền thanh toán: Bằng Tiền Việt Nam đồng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
3. Thời hạn thanh toán: Các Bên sẽ thỏa thuận cụ thể tiến độ thanh toán tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 6 TRÁCH NHIỆM NỘP THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

1. Về trách nhiệm nộp thuế theo quy định:
 - Bên Chuyển Nhượng có trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân có liên quan, các loại thuế có liên quan đến khoản thu nhập có được theo Hợp đồng này.

- Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm đóng các loại thuế khi thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đất tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc chuyển nhượng kể từ thời điểm Hợp đồng này được ký kết.
2. Về trách nhiệm nộp phí, lệ phí theo quy định:
- Bên Chuyển Nhượng có trách nhiệm chịu các loại phí, lệ phí liên quan đến việc thực hiện các thủ tục hành chính và các loại phí, lệ phí có liên quan đến khoản thu nhập có được theo Hợp đồng này.
 - Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm đóng các loại phí, lệ phí khác (nếu có) khi thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đất tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc chuyển nhượng kể từ thời điểm Hợp đồng này được ký kết.

ĐIỀU 7 THỜI HẠN BÀN GIAO VÀ NHẬN DỰ ÁN (HOẶC PHẦN DỰ ÁN)

1. Cách thức bàn giao và thời điểm bàn giao: Bàn giao Dự án, tài sản của Dự án, hồ sơ, tài liệu, giấy tờ và quyền quản lý Dự án: Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Hợp Đồng Chuyển Nhượng được ký kết thì Bên Chuyển Nhượng có trách nhiệm bàn giao trên thực tế, thực địa toàn bộ Dự án, tài sản của Dự án, Khu đất và toàn bộ hồ sơ, giấy tờ, tài liệu có liên quan đến Dự án, tài sản của Dự án, Khu đất cho Bên Nhận Chuyển Nhượng để Bên Nhận Chuyển Nhượng được toàn quyền sở hữu, quản lý, tiếp tục triển khai xây dựng và định đoạt Dự án (có biên bản bàn giao và danh mục các hồ sơ, tài liệu bàn giao cụ thể kèm theo).
2. Các nội dung về bàn giao dự án, phần dự án chuyển nhượng:
 - a) Thay đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ ngày Hợp Đồng Chuyển Nhượng được ký kết thì Bên Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm tiến hành các công việc và thực hiện các thủ tục sang tên trước bạ, thay đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để Bên Nhận Chuyển Nhượng được đứng tên là chủ sử dụng đất trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
 - b) Thay đổi các hồ sơ, tài liệu giấy tờ khác: Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày Hợp Đồng Chuyển Nhượng được ký kết thì Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm tiến hành các công việc và thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy phép xây dựng và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu khác có liên quan để Bên Nhận Chuyển Nhượng được đứng tên thay thế Bên Chuyển Nhượng trong Giấy phép xây dựng và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu này theo đúng quy định của pháp luật.
 - c) Thay đổi chủ thể hợp đồng/giao dịch: Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày bàn giao Dự án, hồ sơ, tài liệu giấy tờ trên thực tế, thực địa, Bên Chuyển Nhượng và Bên Nhận Chuyển Nhượng phải thực hiện các thủ tục, ký kết các thoả thuận để chuyển chủ thể các hợp đồng/giao dịch/thoả thuận liên quan đến Dự án từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng để Bên Nhận Chuyển Nhượng kế thừa toàn bộ các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ và/hoặc liên quan đến các hợp đồng/giao dịch/thoả thuận này theo đúng quy định của pháp luật.
 - d) Thực hiện thủ tục đầu tư, kinh doanh: Kể từ thời điểm Bên Chuyển Nhượng hoàn thành việc bàn giao Dự án, tài sản của Dự án, Khu đất và các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ trên thực tế, thực địa thì Bên Nhận Chuyển Nhượng có quyền tiếp tục tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng và các thủ tục khác có liên quan đến việc thực hiện, triển khai Dự án.

- e) Bên Chuyển Nhượng có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ ký các văn bản, tài liệu hoặc cung cấp các tài liệu cần thiết (ngoại trừ các tài liệu đã bàn giao) trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu và giải trình thỏa đáng của Bên Nhận Chuyển Nhượng, với điều kiện các văn bản, tài liệu do Bên Nhận Chuyển Nhượng yêu cầu cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và không mang lại rủi ro hoặc bất kỳ trách nhiệm, chi phí, phí tổn nào cho Bên Chuyển Nhượng. Cho mục đích của quy định này, Bên Chuyển Nhượng sẽ chỉ ký các giấy tờ để thực hiện các công việc để Bên Nhận Chuyển Nhượng hoàn tất các thủ tục thay đổi Chủ đầu tư, thay đổi các giấy tờ, hồ sơ tài liệu liên quan đến Dự án từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng theo đúng quy định của Hợp đồng này.
- f) Trong thời gian Bên Nhận Chuyển Nhượng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận là Chủ đầu tư của Dự án thì mọi hoạt động triển khai đầu tư, xây dựng Dự án sẽ tiến hành dưới danh nghĩa của Bên Chuyển Nhượng. Toàn bộ các chi phí liên quan đến việc tiếp tục thực hiện, triển khai, xây dựng Dự án sẽ do Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm thanh toán và được hạch toán vào các chi phí thực hiện, triển khai Dự án của Bên Nhận Chuyển Nhượng. Bên Nhận Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm cử người đứng ra quản lý, điều hành việc triển khai xây dựng Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHUYỂN NHƯỢNG

- 1. Quyền của Bên Chuyển Nhượng:
 - a) Bên Chuyển Nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản;
 - b) Yêu cầu Bên Nhận Chuyển Nhượng trả đủ tiền đúng thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng;
 - c) Yêu cầu Bên Nhận Chuyển Nhượng nhận bàn giao toàn bộ dự án hoặc phần dự án đúng thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng;
- 2. Nghĩa vụ của Bên Chuyển Nhượng:
 - a) Bên Chuyển Nhượng có nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản;
 - b) Bàn giao toàn bộ (hoặc một phần) dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án cho bên nhận chuyển nhượng, trường hợp không bàn giao hoặc chậm bàn giao thì phải bồi thường thiệt hại;
 - c) Quản lý toàn bộ dự án trong thời gian chưa bàn giao xong toàn bộ dự án hoặc phần dự án chuyển nhượng cả về hồ sơ và trên thực địa;
 - d) Thông báo cho khách hàng và các bên có liên quan về việc chuyển nhượng toàn bộ (hoặc một phần) dự án;
 - e) Ký, đóng dấu các văn bản, tài liệu do Bên Nhận Chuyển Nhượng chuẩn bị và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cung cấp cho Bên Nhận Chuyển Nhượng các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ cần thiết và hợp lý để Bên Nhận Chuyển Nhượng thực hiện các thủ tục, công việc để đạt được Văn bản chấp thuận, đồng ý từ Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác liên quan đến việc chuyển nhượng một phần Dự án, tài sản của Dự án, Khu đất từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng kể cả ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và/hoặc Hợp đồng khác theo yêu cầu của Bên Nhận Chuyển Nhượng và/hoặc của các cơ quan nhà nước để Bên Nhận Chuyển Nhượng được toàn quyền sở hữu Dự án,

là chủ sử dụng Khu đất.

- g) Đảm bảo Dự án, các tài sản của Dự án, Khu đất theo Hợp đồng này là thuộc quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Bên Chuyển Nhượng; Dự án không thuộc trường hợp bị thu hồi, Khu đất không bị mua bán, thế chấp, cầm cố, cho, tặng, hứa cho, hứa tặng, góp vốn, ủy quyền, cho thuê, đăng ký giao dịch bảo đảm, xác nhận thế chấp hoặc là đối tượng của các hình thức bảo đảm khác; không có bất kỳ tranh chấp và/hoặc hạn chế quyền sở hữu, hạn chế quyền sử dụng với bất kỳ cá nhân/tổ chức nào; không liên hệ để hợp tác, chuyển nhượng hoặc thực hiện các giao dịch khác liên quan đến mà có thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên Nhận Chuyển Nhượng sau khi ký kết Hợp đồng này.
- h) Đảm bảo tư cách pháp lý khi tham gia ký kết Hợp đồng này, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Bên Chuyển Nhượng.
- i) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và đúng thời hạn nội dung các công việc được quy định tại Điều 7 và tại các điều khoản khác của Hợp đồng này.
- j) Thanh lý chấm dứt toàn bộ các hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, nghĩa vụ đã ký kết/giao kết với các nhà đầu tư thứ cấp và/hoặc với bên thứ ba khác (nếu có) trước thời điểm ký kết Hợp Đồng Chuyển Nhượng, ngoại trừ các hợp đồng/giao dịch/thỏa thuận và/hoặc các nghĩa vụ được chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng theo Hợp đồng này.
- k) Không được thực hiện bất kỳ hành vi nào làm ảnh hưởng hoặc có thể làm ảnh hưởng bất lợi đến Bên Nhận Chuyển Nhượng và/hoặc các tài sản của Bên Nhận Chuyển Nhượng và/hoặc tạo ra các nghĩa vụ ràng buộc và/hoặc có tính chất tương tự đối với Bên Nhận Chuyển Nhượng và/hoặc Dự án.
- l) Bên Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho Bên Nhận Chuyển Nhượng tương ứng với số tiền mà Bên Chuyển Nhượng được Bên Nhận Chuyển Nhượng thanh toán theo Hợp Đồng Chuyển Nhượng.
- m) Chịu trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ và giúp đỡ Bên Nhận Chuyển Nhượng trong việc xin thay đổi chủ đầu tư, chuyển quyền sử dụng đất, đăng ký sang tên trước bạ Khu đất, thay đổi hồ sơ, giấy tờ liên quan đến Dự án sang cho Bên Nhận Chuyển Nhượng để Bên Nhận Chuyển Nhượng chính thức là chủ đầu tư của Dự án theo đúng quy định của pháp luật.
- n) Chịu các chi phí phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ và/hoặc trách nhiệm theo cam kết trong Hợp đồng này kể cả trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân có liên quan; phí, lệ phí và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng một phần Dự án; các chi phí liên quan đến việc thực hiện các thủ tục hành chính mà Bên Chuyển Nhượng phải thực hiện theo Hợp đồng này.
- o) Được hưởng các quyền và chịu trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ khác theo cam kết trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

- 1. Quyền của Bên Nhận Chuyển Nhượng:
 - a) Bên Nhận Chuyển Nhượng có các quyền theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản;
 - b) Nhận bàn giao toàn bộ (hoặc một phần) dự án trên thực địa và toàn bộ hồ sơ dự án hoặc phần dự án nêu tại Hợp đồng này theo đúng thời gian quy định tại Hợp đồng;

- c) Yêu cầu Bên Chuyển Nhượng tạo điều kiện và cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc thực hiện tiếp dự án;
 - d) Được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến Dự án trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được chuyển giao theo quy định tại Hợp đồng này; được quyền chủ động lập hồ sơ, tài liệu để xin thay đổi Dự án theo phương hướng, mục tiêu đầu tư của Bên Nhận Chuyển Nhượng sau khi Bên Nhận Chuyển Nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đồng ý là Chủ đầu tư của Dự án.
 - e) Được toàn quyền tiếp tục triển khai và chịu trách nhiệm về việc triển khai Dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và tiến độ đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đồng ý kể từ thời điểm nhận bàn giao Dự án trên thực tế.
 - f) Được toàn quyền sở hữu Dự án, các tài sản của Dự án, được quyền sử dụng Khu đất theo đúng thỏa thuận trong Hợp Đồng Chuyển Nhượng này kể từ thời điểm hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đồng ý là Chủ đầu tư của Dự án.
 - g) Được quyền cử người tham gia quản lý, điều hành Dự án kể từ thời điểm ký Hợp đồng này.
 - h) Được sở hữu đầy đủ và toàn bộ sản phẩm, lợi nhuận thu được từ Dự án.
 - i) Yêu cầu Bên Chuyển Nhượng bàn giao mặt bằng, mốc giới Dự án, tài sản của Dự án, Khu đất trên thực địa và hồ sơ, giấy tờ pháp lý của Dự án theo quy định của Hợp đồng này; tiếp nhận, quản lý mặt bằng Dự án, Khu đất, hồ sơ, tài liệu của Dự án theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng này kể từ thời điểm nhận bàn giao trên thực địa, thực tế.
 - j) Yêu cầu Bên Chuyển Nhượng hỗ trợ trong việc thực hiện những thủ tục, công việc cần thiết tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đạt được Văn bản chấp thuận từ Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án, Khu đất từ Bên Chuyển Nhượng sang Bên Nhận Chuyển Nhượng theo đúng quy định trong Hợp đồng này.
2. Nghĩa vụ của Bên Nhận Chuyển Nhượng:
- a) Bên Nhận Chuyển Nhượng có các nghĩa vụ theo Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản;
 - b) Thanh toán tiền đầy đủ đúng thời hạn cho bên chuyển nhượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng;
 - c) Thực hiện và đáp ứng đầy đủ quyền lợi của bên chuyển nhượng và của khách hàng mà các bên đã thống nhất;
 - d) Tiếp nhận toàn bộ (hoặc một phần) dự án tại thực địa và hồ sơ dự án, phần dự án đúng thời hạn đã thỏa thuận;
 - đ) Thực hiện tiếp dự án theo đúng nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng);
 - e) Chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục liên quan đến thay đổi Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Giấy phép xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các hồ sơ cấp phép và/hoặc đạt được mọi sự chấp thuận từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc thay đổi Chủ đầu tư cho đến khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận Bên Nhận Chuyển Nhượng là Chủ đầu tư của Dự án.

ĐIỀU 10 TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Trong trường hợp bất kỳ Bên nào không thực hiện hoặc không tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ tương ứng nào của mình theo Hợp đồng này mà không khắc phục vi phạm trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên có quyền (Bên bị vi phạm), Bên đó sẽ được xem là đã vi phạm Hợp đồng này. Việc vi phạm Hợp đồng sẽ được xem là vi phạm tiếp tục cho đến khi vi phạm đó được khắc phục phù hợp với các điều khoản liên quan của Hợp đồng này và/hoặc được Bên không vi phạm từ bỏ.
2. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:
 - a) Nếu Bên Chuyển Nhượng vi phạm các nghĩa vụ, trách nhiệm đã cam kết trong Hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng này bị chấm dứt trước thời hạn và/hoặc quyền lợi của Bên Nhận Chuyển Nhượng không đạt được theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này thì Bên Chuyển Nhượng bị phạt cọc với số tiền tương đương số tiền mà Bên Nhận Chuyển Nhượng đã đặt cọc và phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền và các chi phí thực tế mà Bên Nhận Chuyển Nhượng đã thanh toán cho Bên Chuyển Nhượng và/hoặc đã bỏ ra, kể cả các chi phí khác được các bên thỏa thuận phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến Hợp đồng này. Bên Nhận Chuyển Nhượng được lấy lại toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên Chuyển Nhượng. Đồng thời Bên Chuyển Nhượng chịu phạt 8% tính trên Tổng Tiền Chuyển Nhượng theo Hợp đồng này và phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại trực tiếp và/hoặc gián tiếp có liên quan cho Bên Nhận Chuyển Nhượng bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở lãi suất ngân hàng theo mức lãi suất mà ngân hàng Vietcombank cho vay, chi phí cơ hội, chi phí thẩm định, chi phí đi lại, chi phí luật sư và các chi phí khác.
 - b) Nếu Bên Nhận Chuyển Nhượng vi phạm các nghĩa vụ, trách nhiệm đã cam kết trong Hợp đồng này dẫn đến Hợp đồng này bị chấm dứt trước thời hạn thì Bên Nhận Chuyển Nhượng bị mất tiền đặt cọc và chịu phạt 8% tính trên Tổng Tiền Mua Bán theo Hợp đồng này. Đồng thời, Bên Nhận Chuyển Nhượng phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại trực tiếp và/hoặc gián tiếp có liên quan cho Bên Chuyển Nhượng bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở lãi suất ngân hàng theo mức lãi suất mà ngân hàng Vietcombank cho vay, chi phí cơ hội, chi phí thẩm định, chi phí đi lại, chi phí luật sư và các chi phí khác.
3. Nếu vi phạm vẫn tiếp diễn sau khi hết thời hạn 10 (Mười) ngày nêu tại Khoản 1 Điều 10 và vi phạm đó không được Bên vi phạm khắc phục, thì vụ việc sẽ được giải quyết căn cứ vào Điều 12 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 11 CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

1. Bên Chuyển Nhượng cam kết:
 - a) Dự án, phần dự án chuyển nhượng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này không thuộc diện đã chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác, không thuộc diện bị cấm chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - b) Dự án, phần dự án chuyển nhượng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy hoạch, quy định pháp luật và các giấy tờ, hồ sơ pháp lý đã cung cấp cho Bên nhận chuyển nhượng;
 - c) Bên Chuyển Nhượng chịu trách nhiệm thực hiện đối với các nghĩa vụ, các trách nhiệm vật chất, nghĩa vụ tài chính (nếu có) phát sinh từ và/hoặc liên quan đến các giao dịch do Bên Chuyển Nhượng và các nhà đầu tư cùng với Bên Chuyển Nhượng thực hiện trước ngày ký kết Hợp đồng này nếu các hợp đồng/giao dịch này mà không được liệt kê trong Hợp đồng và không được chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng.

- d) Kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng này thì: (i) Bên Chuyển Nhượng không được chuyển nhượng/bán, hứa bán, đặt cọc, hợp tác, cam kết với bất kỳ bên nào khác mà không phải Bên Nhận Chuyển Nhượng hoặc thực hiện bất kỳ giao dịch gì với tư cách là Chủ đầu tư/Nhà đầu tư hợp tác thực hiện Dự án mà có thể gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Bên Nhận Chuyển Nhượng; (ii) Bên Chuyển Nhượng không được đàm phán, ký kết bất kỳ hợp đồng/giao dịch/thỏa thuận nào liên quan đến việc thực hiện, triển khai Dự án trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bên Nhận Chuyển Nhượng; (iii) Bên Nhận Chuyển Nhượng tự chịu mọi trách nhiệm và rủi ro trước Nhà nước, Bên thứ ba có liên quan và trước pháp luật liên quan đến Dự án, Khu đất và hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh của Dự án. Để tránh nhầm lẫn, nếu sau thời điểm Hợp Đồng Chuyển Nhượng có hiệu lực mà Bên Chuyển Nhượng phải chịu bất kỳ chi phí, phí tổn, phí, lệ phí, khoản phạt, khoản bồi thường, vụ khiếu nại, vụ kiện tụng, cuộc thanh tra nào, hoặc bất kỳ trách nhiệm nào khác đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba liên quan đến Dự án thì Bên Nhận Chuyển Nhượng phải bồi thường đầy đủ mọi khoản tiền phát sinh đó theo yêu cầu của Bên Chuyển Nhượng.
2. Bên Nhận Chuyển Nhượng cam kết:
- a) Đã tìm hiểu, xem xét kỹ thông tin về Dự án, phần dự án chuyển nhượng;
- b) Đã được Bên Chuyển Nhượng cung cấp bản sao các giấy tờ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan đến Dự án, phần dự án chuyển nhượng; Bên Nhận Chuyển Nhượng đã đọc cẩn thận và hiểu các quy định của hợp đồng này cũng như các phụ lục đính kèm. Bên nhận chuyển nhượng đã tìm hiểu mọi vấn đề mà Bên nhận chuyển nhượng cho là cần thiết để kiểm tra mức độ chính xác của các giấy tờ, tài liệu và thông tin đó;
- c) Số tiền Bên Nhận Chuyển Nhượng trả cho Bên Chuyển Nhượng theo Hợp đồng này là hợp pháp, không có tranh chấp với bên thứ ba. Bên Chuyển Nhượng sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với việc tranh chấp số tiền mà Bên Nhận Chuyển Nhượng đã thanh toán cho Bên Chuyển Nhượng theo hợp đồng này. Trong trường hợp có tranh chấp về số tiền này thì hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với hai bên;
- d) Cung cấp các giấy tờ cần thiết khi Bên chuyển nhượng yêu cầu theo quy định của pháp luật để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với Dự án, phần dự án chuyển nhượng cho Bên nhận chuyển nhượng;
- e) Những thông tin về Bên Nhận Chuyển Nhượng đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- f) Hợp đồng này tạo ra các nghĩa vụ có tính ràng buộc đối với Bên Nhận Chuyển Nhượng phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng này.
- g) Kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng này thì Bên Nhận Chuyển Nhượng tự chịu mọi trách nhiệm và rủi ro trước Nhà nước, Bên thứ ba có liên quan và trước pháp luật liên quan đến Dự án, Khu đất và hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh của Dự án. Để tránh nhầm lẫn, nếu sau thời điểm Hợp Đồng Chuyển Nhượng có hiệu lực mà Bên Chuyển Nhượng phải chịu bất kỳ chi phí, phí tổn, phí, lệ phí, khoản phạt, khoản bồi thường, vụ khiếu nại, vụ kiện tụng, cuộc thanh tra nào, hoặc bất kỳ trách nhiệm nào khác đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba liên quan đến Dự án thì Bên Nhận Chuyển Nhượng phải bồi thường đầy đủ mọi khoản tiền phát sinh đó theo yêu cầu của Bên Chuyển Nhượng.
- h) Kết quả đầu tư kinh doanh: Kể từ Thời điểm chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư đối với Dự án theo Hợp Đồng Chuyển Nhượng, Bên Nhận Chuyển Nhượng với vai trò làm Chủ đầu tư thực hiện Dự án, có các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này, Bên Nhận Chuyển Nhượng tự chịu trách nhiệm trước Nhà nước, Bên thứ ba có liên quan và trước

pháp luật về mọi hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án (trừ các nghĩa vụ, trách nhiệm phát sinh do Bên Chuyển Nhượng thực hiện trước thời điểm chuyển nhượng và không được chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng theo quy định tại Hợp đồng này).

3. Việc ký kết hợp đồng này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối.
4. Trong trường hợp một hoặc nhiều điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai bên. Hai bên sẽ thống nhất sửa đổi các điều, khoản, điểm bị tuyên vô hiệu hoặc không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật và phù hợp với ý chí của hai bên.
5. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định trong hợp đồng này.

ĐIỀU 12 CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng:
 - a) Hai bên đồng ý chấm dứt hợp. Trong trường hợp này, hai bên lập văn bản thỏa thuận cụ thể các điều kiện và thời hạn chấm dứt hợp đồng;
 - b) Bên Chuyển Nhượng được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này trong trường hợp Bên Nhận Chuyển Nhượng chậm thanh toán vượt quá 90 (chín mươi) ngày so với tiến độ thanh toán được quy định tại Điều 5 Hợp đồng;
 - c) Bên Chuyển Nhượng chậm bàn giao dự án, phần dự án chuyển nhượng theo thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng này;
 - d) Trong trường hợp bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục được để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và hai bên cũng không có thỏa thuận khác thì một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này và việc chấm dứt hợp đồng này không được coi là vi phạm hợp đồng.
2. Việc xử lý hậu quả do chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này như sau:
 - a) Nếu Hợp đồng bị chấm dứt theo điểm a khoản 1 Điều này thì việc xử lý hậu quả do chấm dứt Hợp đồng sẽ thực hiện theo văn bản thỏa thuận của các bên.
 - b) Nếu Hợp đồng bị chấm dứt theo điểm b khoản 1 Điều này thì việc xử lý hậu quả do chấm dứt Hợp đồng sẽ thực hiện như sau: Hai bên ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng và Bên Chuyển Nhượng sẽ hoàn trả lại cho Bên Nhận Chuyển Nhượng số tiền đã thanh toán sau khi đã trừ đi khoản phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Hợp đồng này.
 - c) Nếu Hợp đồng bị chấm dứt theo điểm c khoản 1 Điều này thì việc xử lý hậu quả do chấm dứt Hợp đồng sẽ thực hiện như sau: Hai bên ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng và Bên Chuyển Nhượng sẽ phải hoàn trả lại cho Bên Nhận Chuyển Nhượng số tiền mà Bên Nhận Chuyển Nhượng đã thanh toán và bồi thường cho Bên Nhận Chuyển Nhượng khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Hợp đồng này.
 - d) Nếu Hợp đồng bị chấm dứt theo điểm d khoản 1 Điều này thì việc xử lý hậu quả do chấm dứt Hợp đồng sẽ thực hiện như sau: Hai bên ký thanh lý Hợp đồng và hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại thực tế nào. Thời điểm hoàn trả được xác định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý Hợp đồng.

ĐIỀU 13 SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

1. Các bên nhất trí thỏa thuận một trong các trường hợp sau đây được coi là sự kiện bất khả kháng:

- a) Do chiến tranh hoặc do thiên tai hoặc do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước;
 - b) Do phải thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định;
 - c) Do tai nạn, ốm đau thuộc diện phải đi cấp cứu tại cơ sở y tế;
2. Mọi trường hợp khó khăn về tài chính đơn thuần sẽ không được coi là trường hợp bất khả kháng.
 3. Khi xuất hiện một trong các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều này thì bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp cho bên còn lại biết trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng (*nếu có giấy tờ chứng minh về lý do bất khả kháng thì bên bị tác động phải xuất trình giấy tờ này*). Việc bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng và cũng không phải là cơ sở để bên còn lại có quyền chấm dứt hợp đồng này.
 4. Việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của các bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng. Các bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của hợp đồng này.

ĐIỀU 14 THÔNG BÁO

1. Địa chỉ pháp lý của mỗi Bên là địa chỉ của Bên đó nêu tại phần đầu của Hợp đồng này hoặc Địa chỉ pháp lý khác mà Bên đó đã thông báo cho Bên còn lại phù hợp với quy định tại Điều này và đã được Bên đó đăng ký với Cơ quan Cấp phép.
2. Thông báo cho một Bên phải được lập bằng văn bản và phải được giao trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm hoặc chuyển fax tới địa chỉ pháp lý của Bên nhận;
3. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến hợp đồng này phải được lập thành văn bản. Hai bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, khiếu nại được coi là đã nhận nếu gửi đến đúng địa chỉ, đúng tên người nhận thông báo, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại khoản 1, khoản 2 Điều này và trong thời gian như sau:
 - a) Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo;
 - b) Vào ngày bên gửi nhận được thông báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng fax;
 - c) Vào ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh;
4. Các bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi về (*địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo do các bên thỏa thuận.....*) mà bên có thay đổi không thông báo lại cho bên kia biết thì bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.
5. Từng thông báo hoặc liên lạc hoặc tài liệu khác được gửi hoặc được giao từ hoặc tới một trong hai Bên liên quan đến Hợp đồng này sẽ là bằng tiếng Việt.

ĐIỀU 15 CÁC THỎA THUẬN KHÁC

Các bên tuân thủ quy định về Bảo mật thông tin dưới đây:

1. Trừ trường hợp quy định khác tại khoản 2 Điều này mọi Thông tin Mật chuyển giữa các Bên liên quan đến hoặc căn cứ theo Hợp đồng này (cho dù trước hay sau thời điểm ký Hợp

đồng này) được coi là mật và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, sử dụng hoặc khai thác cho lợi ích hoặc mục đích của chính Bên đã cung cấp thông tin trong thời gian Hợp đồng này có hiệu lực.

2. Không áp dụng các hạn chế quy định theo khoản 1 Điều này:

- ✓ Nếu Thông tin Mật đó đã có trong công chúng hoặc được công bố công khai chứ không phải do vi phạm quy định trong Hợp đồng này;
- ✓ Nếu Bên đó hoặc đại diện của Bên đó có được Thông tin Mật từ (các) bên thứ ba một cách hợp pháp;
- ✓ Nếu Thông tin Mật đã được một bên thứ ba biết được trước khi có bất kỳ sự tiết lộ nào;
- ✓ Nếu phải cung cấp Thông tin Mật theo quy định của Pháp luật Việt Nam;
- ✓ Nếu Thông tin Mật được tiết lộ cho các nhà tư vấn hoặc luật sư của một Bên để được tư vấn chuyên môn với điều kiện là các nhà tư vấn đó cũng phải tuân thủ các nghĩa vụ bảo mật quy định tại Hợp đồng này;
- ✓ Với sự đồng ý của Bên hoặc các Bên mà Thông tin Mật thuộc về Bên hoặc các Bên đó;
- ✓ Các quy định tại Hợp đồng này là mật và các Bên cam kết với nhau không tiết lộ các nội dung trong Hợp đồng này hay bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu không có văn bản chấp thuận trước của các Bên còn lại trừ khi Luật pháp yêu cầu;
- ✓ Từng Bên sẽ yêu cầu nhân viên, đại diện và đại lý của mình tuân thủ các quy định tại Điều này.

ĐIỀU 16 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh bất đồng, mâu thuẫn, tranh chấp (sau đây gọi chung là “Tranh chấp”), Các Bên cùng nhau thương lượng hoà giải để giải quyết theo nguyên tắc thiện chí và tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không thể giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh Tranh chấp thì một trong Các Bên có quyền đưa Tranh chấp ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và quy tắc tổ tụng của Trung tâm trọng tài. Trong quá trình giải quyết Tranh chấp, Hợp đồng này sẽ tiếp tục được thực hiện, trừ phần nội dung là đối tượng của Tranh chấp. Ngôn ngữ xét xử là tiếng Việt. Địa điểm xét xử là tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.
2. Phán quyết của Trọng tài sẽ có hiệu lực ràng buộc và bắt buộc thực hiện đối với các Bên nêu trong phán quyết. Chi phí và phí tổn phát sinh từ việc xét xử của Trọng tài căn cứ theo quyết định của Trọng tài hoặc trong trường hợp Trọng tài không có quyết định về vấn đề này thì sẽ do Bên thua chịu.

ĐIỀU 17 THỜI ĐIỂM CÓ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết.
2. Hợp đồng này có 17 Điều, được lập thành 04 bản và có giá trị pháp lý như nhau, Bên nhận chuyển nhượng giữ 02 bản, Bên chuyển nhượng giữ 02 bản để lưu trữ, làm thủ tục nộp thuế, phí, lệ phí và thủ tục đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai cho Bên nhận chuyển nhượng.
3. Kèm theo hợp đồng này là các giấy tờ liên quan theo quy định tại phụ lục 2 đính kèm Hợp đồng này.

Các phụ lục đính kèm hợp đồng này và các sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận của hai bên là nội dung không tách rời hợp đồng này và có hiệu lực thi hành đối với hai bên.

4. Trong trường hợp các bên thỏa thuận thay đổi nội dung của hợp đồng này thì phải lập bằng văn bản có chữ ký của cả hai bên.

Thay mặt và đại diện
BÊN CHUYÊN NHƯỢNG

Thay mặt và đại diện
BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

PHỤ LỤC 1:
TỔNG TIỀN CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN (HOẶC PHẦN DỰ ÁN)

1. Các Bên đồng ý rằng Giá chuyển nhượng Dự án, tài sản của Dự án, Khu đất, các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Dự án và các chi phí để Bên Chuyển Nhượng thực hiện, triển khai các công việc như được nêu tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng này là:(sau đây gọi tắt là "Tổng Tiền Chuyển Nhượng Tạm Tính"). Cụ thể:

STT	Hạng mục/Nội dung	Diện tích	Đơn giá (đồng/m ²)	Tổng cộng (đồng)
I	Giá trị quyền sử dụng đất m2		
II	Toàn bộ chi phí đầu tư của Bên Chuyển Nhượng đối với Dự án từ giai đoạn Dự Án xin chấp thuận chủ trương đầu tư/phê duyệt tổng mặt bằng cho đến thời điểm ký Hợp đồng chuyển nhượng này.			
	Tổng cộng (I + II)			
	<i>Bằng chữ:</i>			

Ghi chú:

- Tổng Tiền Chuyển Nhượng Tạm Tính nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mà Bên Chuyển Nhượng đã thực hiện với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chi trả cho bên thứ ba liên quan đến các hợp đồng/giao dịch/thỏa thuận mà được chuyển giao cho Bên Nhận Chuyển Nhượng cho đến thời điểm Hợp đồng này được ký kết và các loại thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi hai Bên hoàn thành, ký kết Biên bản thanh lý, chấm dứt Hợp Đồng Chuyển Nhượng này.
 - Tổng Tiền Chuyển Nhượng nêu trên đã bao gồm các chi phí, công sức cho Bên Chuyển Nhượng và/hoặc cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ để Bên Chuyển Nhượng hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định trong Hợp đồng này và Hợp Đồng Chuyển Nhượng.
2. Tiến độ thanh toán: Bên Nhận Chuyển Nhượng thanh toán Tổng Tiền Chuyển Nhượng cho Bên Chuyển Nhượng làm hai (02) đợt theo tiến độ như sau⁵:
- a) Đợt 1: Trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này, Bên Nhận chuyển nhượng thanh toán cho Bên Chuyển nhượng số tiền là:.....đồng (Bằng chữ:.....);
 - b) Đợt 2: Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này và Bên Chuyển Nhượng đã bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án cho Bên Nhận Chuyển Nhượng thì Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ chuyển vào tài khoản do Bên Chuyển Nhượng chỉ định số tiền thanh toán có giá trị là đồng (Bằng chữ: đồng).

⁵ Tiến độ thanh toán có thể được điều chỉnh tại thời điểm ký kết Hợp đồng chính thức

**PHỤ LỤC 2:
CÁC HỒ SƠ PHÁP LÝ CHÍNH CỦA DỰ ÁN**

.....⁶

⁶ Điền các hồ sơ pháp lý khác tại thời điểm ký Hợp đồng.

PHỤ LỤC 3:
THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG
DỰ ÁN (HOẶC PHẦN DỰ ÁN) CHUYỂN NHƯỢNG

1. Dự án đã khởi công xây dựng các công trình xây dựng vào ngày
2. Đến ngày ký Hợp đồng này, Bên Chuyển Nhượng đã ký các hợp đồng với các cá nhân/tổ chức để thực hiện, triển khai Dự án với tổng giá trị là: VND (Bằng chữ: đồng) và đã thanh toán cho các cá nhân/tổ chức tổng cộng: VND (Bằng chữ: đồng) (có danh mục các hợp đồng, giá trị hợp đồng và tình hình thanh toán hợp đồng đến ngày ký Hợp đồng này cụ thể kèm theo).
3. Thông tin về việc triển khai xây dựng Dự án cho đến ngày ký Hợp đồng này cụ thể như sau:
 - a) Tiến độ xây dựng:
 - b) Tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
 - c) Tiến độ xây dựng công trình đường giao thông:

PHỤ LỤC 5:
DANH MỤC CÁC HỒ SƠ, TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN (HOẶC PHẦN DỰ ÁN) BÊN
CHUYÊN NHƯỢNG CHUYÊN GIAO CHO BÊN NHẬN CHUYÊN NHƯỢNG

STT	Số tài liệu	Ngày	Nội dung	Đơn vị phát hành

PHỤ LỤC 6:
DANH MỤC CÁC HỒ SƠ, TÀI LIỆU, GIẤY TỜ CÁC BÊN CUNG CẤP ĐỀ CHỨNG MINH
THẨM QUYỀN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

1. Danh mục các tài liệu, giấy tờ do Bên Chuyển Nhượng cung cấp bao gồm:

STT	Nội dung	Số lượng	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
1.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	01	Bản phô tô có chứng thực	
2.	Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	01	Bản sao y có xác nhận của người có thẩm quyền	
3.	Biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy về việc đồng ý, chấp thuận việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Dự án	01	Bản chính có dấu đỏ của Công ty	

2. Danh mục các tài liệu, giấy tờ do các Bên Nhận Chuyển Nhượng cung cấp bao gồm:

STT	Nội dung	Số lượng	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
1.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	01	Bản phô tô có chứng thực	
2.	Điều lệ Công ty	01	Bản phô tô có xác nhận của Công ty	
3.	Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc chấp thuận, đồng ý nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Dự án	01	Bản phô tô có xác nhận của Công ty	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

☪ ☪

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG VAY TIỀN

Số: .../...../.....-.....

- Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29/01/2015¹;
- Căn cứ nhu cầu hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm, tại văn phòng trụ sở của Công ty, chúng tôi gồm có:

BÊN CHO VAY: CÔNG TY

Giấy phép kinh doanh: số do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố cấp lần đầu ngày/...../.....

Địa chỉ:

Người đại diện theo pháp luật : Chức danh:

(Sau đây gọi là **Bên A**)

BÊN VAY: CÔNG TY

Giấy phép kinh doanh: sốdo Sở kế hoạch và đầu tư thành phố cấp lần đầu ngày/...../.....

Địa chỉ:

Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:

(Sau đây gọi là **Bên B**)

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng vay tiền theo các điều khoản sau:

Điều 1: Số tiền cho vay - Mục đích sử dụng - Phương thức giải ngân

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B vay số tiền: VNĐ

(Bằng chữ: đồng).

1.2. Mục đích cho vay:

1.3. Phương thức giải ngân:

- Giải ngân thành nhiều đợt hoặc một đợt.²
- Phương thức giải ngân: Chuyển khoản.

Điều 2: Thời hạn cho vay - Lãi suất cho vay - lãi suất nợ quá hạn

2.1. Thời hạn cho vay : tháng kể từ ngày giải ngân hoặc nếu bên vay có nhu cầu vay tiếp thì hai bên ký Phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian vay.

2.2. Lãi suất cho vay :%/năm.

¹ Trường hợp Nhà nước có sửa đổi, thay thế các văn bản pháp luật ghi tại phần căn cứ hợp đồng này thì sẽ ghi lại theo số, tên văn bản mới đã thay đổi.

² Được xác định cụ thể theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm ký Hợp Đồng.



- 2.3. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất quy định tại Khoản 2.2 Điều 2 tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính từ ngày chuyển nợ quá hạn.

Điều 3: Trả nợ gốc và lãi

- 3.1. Trả nợ gốc: nợ gốc được trả một lần hoặc nhiều lần nhưng không được chậm hơn thời hạn cho vay quy định tại Khoản 2.1 Điều 2, Bên vay được phép trả nợ trước hạn mà không phải chịu bất kỳ 1 khoản phạt trả trước nào.
- 3.2. Trả lãi vay: Lãi được tính bắt đầu từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân của Bên cho vay.
Tiền lãi vay trả vào cuối quý và được tính theo công thức sau:
$$\text{Số tiền lãi phải trả} = \text{Dư nợ tính lãi} \times \text{Lãi suất (\%/năm)} \times \text{Số ngày vay thực tế} : 365 \text{ ngày.}$$

Số ngày vay thực tế sẽ được tính từ ngày Bên vay nhận nợ với Bên cho vay.
- 3.3. Nợ gốc và lãi tiền vay được trả bằng đồng Việt Nam.
- 3.4. Trường hợp ngày phải trả nợ rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ hoặc bất kỳ ngày nào mà Bên cho vay không làm việc thì ngày hôm sau sẽ là ngày đến hạn trả nợ và lãi vẫn được tính cho tới ngày thực trả.
- 3.5. Hai bên có thể thực hiện bù trừ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đối với các giao dịch mua bán khác bao gồm mua bán cổ phần các doanh nghiệp, tài sản, hàng hoá trong danh mục kinh doanh của hai doanh nghiệp.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

- 4.1. Bên cho vay có quyền:
- Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu liên quan đến việc vay vốn, tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính (nếu có);
 - Từ chối những đề nghị rút vốn không hợp lệ và/hoặc Bên cho vay nhận thấy không phù hợp;
 - Kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay nhằm đảm bảo an toàn vốn cho vay;
 - Khi khoản vay đến hạn mà Bên vay không chủ động trả nợ thì Bên cho vay có quyền gửi văn bản đề nghị Bên vay trả nợ.
 - Khởi kiện Bên vay vi phạm Hợp đồng vay tiền.
- 4.2. Bên cho vay có nghĩa vụ:
- Thực hiện đúng thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền.
 - Lưu trữ hồ sơ vay tiền phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của bên vay

5.1. Bên vay có quyền:

- a. Từ chối các yêu cầu của Bên cho vay không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền.
- b. Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng vay tiền theo quy định của pháp luật.
- c. Trong trường hợp Bên vay đã trả một phần khoản vay cho Bên cho vay mà có nhu cầu vay lại thì Bên cho vay có thể giải ngân cho Bên vay để vay lại trong thời hạn của hợp đồng hoặc các phức lục còn hiệu lực, nhưng đảm bảo tổng dư nợ không vượt quá số tiền quy định tại khoản 1.1 Điều 1 Hợp đồng này.

5.2. Bên vay có nghĩa vụ

- a. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu có liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp.
- b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong Hợp đồng vay tiền.
- c. Tạo điều kiện khi Bên cho vay cần kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay.

Điều 6: Xử lý vi phạm

- 6.1. Các vi phạm Hợp đồng vay tiền của một trong hai bên sẽ được xử lý theo quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.
- 6.2. Hai bên có quyền khiếu nại, khởi tố, yêu cầu xét xử khi có tranh chấp về việc thực hiện Hợp đồng vay tiền tại Toà án có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 7: Điều khoản thi hành

- 7.1. Hợp đồng vay tiền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay trả hết nợ vay (nợ gốc, lãi) và các chi phí có liên quan cho Bên cho vay. Khi Bên vay trả hết nợ vay thì Hợp đồng vay tiền mặc nhiên được thanh lý.
- 7.2. Mọi thay đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng vay tiền phải được các bên thoả thuận thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Hợp đồng vay tiền này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau. Bên vay giữ 01 (một) bản, Bên cho vay giữ 01 (một) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Số: 06/2022/TT-HĐQT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua bản Điều lệ dự thảo được sửa đổi, bổ sung phù hợp và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành (Dự thảo Điều lệ đính kèm).

Kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT chỉ đạo việc cập nhật, bổ sung các thông tin cập nhật nếu có và ban hành điều lệ công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ họp.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- Lưu TH.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	20

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	25
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	26
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	26
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	26
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	27
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	27
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	27
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	28
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	28
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	29
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	29
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	29
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	29
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	30
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	30
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	30
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	31
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	31
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	31
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	31
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	32
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 48. Năm tài chính.....	32
Điều 49. Chế độ kế toán.....	32
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	32
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	32
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	33
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	33
Điều 52. Kiểm toán.....	33
XVII. DẦU CỦA DOANH NGHIỆP.....	33

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	33
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	33
Điều 54. Giải thể công ty	33
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	33
Điều 56. Thanh lý.....	33
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	34
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	34
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	34
Điều 58. Điều lệ Công ty	34
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	34
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	34
PHỤ LỤC 01	36

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 05 tháng 07 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

- Tên tiếng Anh: HOANG HUY FINANCIAL INVESTMENT SERVICES JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

- Điện thoại: (0225) 3610 021

- Fax: (0225) 3955 322

- E-mail: info@hoanghuy.vn

- Website: www.hoanghuy.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Tổng Giám đốc

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 35 của điều lệ này. Tổng Giám đốc là người đại diện của Công ty trước bên thứ ba đối với các công việc, hoạt động, giao dịch của Công ty trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; - Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; - Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; - Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; (Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6810

STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ các hoạt động đấu giá)	4530
3	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
4	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
5	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
7	Xây dựng nhà để ở	4101
8	Xây dựng nhà không để ở	4102
9	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **6.682.158.430.000 đồng** (Sáu nghìn sáu trăm tám mươi hai tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **668.215.843 cổ phần** (Sáu trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm mười lăm nghìn, tám trăm bốn mươi ba cổ phần) với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty

quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền

và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể, thanh lý Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau.

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm các trường hợp sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu .

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 35% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 35% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (5) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau :

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế khác theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông

qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty và các quy chế khác theo quy định của pháp luật;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

g. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự

hợp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài

chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao chứng thực của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính hiện nay của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng tư (4) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 3 năm sau.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Từ ngày 1/4/2016, Công ty thực hiện thay đổi năm tài chính và duy trì cho tới hiện nay.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên,

trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nhất trí thông qua ngày 05/07/2022 theo Nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/07/2022. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 05/07/2022.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

(đính kèm theo Điều lệ Công ty)

TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần (*)	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)
1	Đỗ Hữu Hạ	183 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội	262.120.987	39,23%
2	Nguyễn Thị Hà	183 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội	32.663.925	4,89%
3	Đỗ Hữu Hưng	Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng	2.531.925	0,38%

(*) Tại ngày thông qua Điều lệ này.

Số: 07/2022/TT-HĐQT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua các quy chế hoạt động của công ty)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

Hội đồng quản trị (HDQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua các quy chế hoạt động của Công ty như sau:

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Chi tiết các dự thảo quy chế đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- Lưu TH.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ HỮU HẠ

DỰ THẢO



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

Hải Phòng, Ngày 05 tháng 07 năm 2022

Mục Lục

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 3. Hội đồng quản trị	8
Điều 4. Ban Kiểm soát.....	13
Điều 5. Tổng Giám đốc	14
Điều 6. Các hoạt động khác	15
Điều 7. Hiệu lực thi hành.....	16

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 07 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị (Sau đây gọi là "Quy Chế") công ty Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (Sau đây gọi là "Công ty" bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"), Hội đồng quản trị ("HDQT"), Tổng Giám đốc ("TGD"); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ("BKS"), Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
 - 1.2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và tại Điều 15 Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
- b) HĐQT triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - + HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - + Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - + Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;
 - + Theo yêu cầu của BKS;
 - + Theo các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS (nếu có);
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

- a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định của Điều lệ Công ty.

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- c) Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại điểm b Khoản 2.5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản 2.5 Điều này.
 - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên.
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- d) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b Khoản 2.5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2.5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- 2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:
- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty.
- 2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:
- a) Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, trước khi khai mạc cuộc họp Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông cho các Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông có mặt.
- b) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 2.8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:
- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp

DHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

DHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.10. Cách thức biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- a) Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn các phương án: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc không có ý kiến cho từng Báo cáo, Tờ trình của đại hội. Sau đó ký và ghi rõ họ tên cổ đông vào phiếu biểu quyết đã được phát lúc đăng ký tham dự đại hội.
- b) Cổ đông sẽ bỏ phiếu vào thùng phiếu theo hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, thùng phiếu được niêm phong.
- c) Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.
- d) Việc biểu quyết thông qua Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được thực hiện theo quy chế hướng dẫn Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị ban hành.

2.11. Cách thức kiểm phiếu:

- a) Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua tại đại hội. Số thành viên Ban kiểm phiếu không quá 03 người.
- b) Ban kiểm phiếu kiểm tra tính hợp lệ của phiếu biểu quyết; ghi kết quả kiểm phiếu; sau khi kiểm phiếu xong, Trưởng ban kiểm phiếu niêm phong toàn bộ phiếu biểu quyết.
- c) Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu có chữ ký của toàn bộ thành viên Ban kiểm phiếu.

2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: Tuân thủ theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 21 Điều lệ Công ty.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 2.15. Cách thức phân phối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Tuân thủ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.
- 2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:
- 3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:
- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty., Bao gồm các trường hợp sau:
- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

- 3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Tuân thủ quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.
4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:
- 4.1. Hội đồng quản trị quyết định họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật như: chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, các quyết định hạn chế của cơ quan nhà nước hoặc căn cứ dựa trên nhu cầu tổ chức ĐHĐCĐ của công ty, tạo điều kiện cho các cổ đông tham dự đại hội đầy đủ.
- 4.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp theo hình thức hội nghị trực tuyến (Bao gồm: Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến; Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến; Điều kiện tiến hành; Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến; Cách thức bỏ phiếu trực tuyến; Cách thức kiểm phiếu trực tuyến; Thông báo kết quả kiểm phiếu).
- 4.3. Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:
- 5.1. Hội đồng quản trị quyết định họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật như: chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, các quyết định hạn chế của cơ quan nhà nước hoặc căn cứ dựa trên nhu cầu tổ chức ĐHĐCĐ của công ty, tạo điều kiện cho các cổ đông tham dự đại hội đầy đủ.
- 5.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (Bao gồm: Cách thức đăng ký tham dự; Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp; Điều kiện tiến hành; Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Cách thức bỏ phiếu; Cách thức kiểm phiếu; Thông báo kết quả kiểm phiếu).
- 5.3. Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp với trực tuyến được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Hội đồng quản trị

- 3.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:
- a) HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- b) HĐQT có quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
- 3.2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
- a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (5) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
 - Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - + Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - + Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - + Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
 - Thành viên HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
 - Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - + Trình độ chuyên môn;
 - + Quá trình công tác;
 - + Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - + Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - + Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng

viên; từ 30% đến dưới 35% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 35% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:
Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Tuân thủ quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.
- g) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
 - Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3.3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên
- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

3.4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

a) Số lượng cuộc họp:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết

d) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - + Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại điểm h khoản 3.4 Điều này;

- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - + Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
 - Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:
- Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp có nội dung chính theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.
- k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:
- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan
- l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:
- Nghị quyết của HĐQT được thông báo tới các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng các thành viên khác có liên quan trong vòng 03 ngày làm việc và công bố thông tin theo quy định của pháp luật
- 3.5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):
- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách các vấn đề chính sách phát triển nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro theo nghị quyết tại từng thời điểm.

- Khi thành lập tiểu ban trực thuộc, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế hoạt động của tiểu ban đó, bao gồm các nội dung chính:
 - a) Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;
 - b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của tiểu ban đó, bao gồm các nội dung sau:
 - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
 - c) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
- 3.6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
- Công ty bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị nội bộ.
 - Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

- 4.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.
Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 39 Điều lệ Công ty.
- 4.2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:
- a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:
Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:
Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:
- Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.
 - Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:
- Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

- Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:
 - Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau:
 - + Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty;
 - + Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - + Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 - Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau:
 - + Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - + Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - + Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty;
 - + Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin kịp thời, đúng pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công ty về những thay đổi trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Đồng thời, tuân thủ các quy định pháp luật về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:
 - Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
 - Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 5. Tổng Giám đốc

5.1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

5.2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc;
- Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.

c) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

d) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác

6.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a) Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

- Chủ tịch HĐQT phải gửi thông báo và các tài liệu kèm theo mời Ban Kiểm soát tham dự họp các phiên họp của HĐQT. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham dự họp, đóng góp ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.
- HĐQT có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT theo quy định pháp luật.
- Khi tiếp nhận kiến nghị của Ban Kiểm soát về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của công ty, HĐQT phải nghiên cứu và chỉ đạo Tổng Giám đốc phối hợp để khắc phục và củng cố.
- Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thông báo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cho các thành viên Ban Kiểm soát kịp thời và đầy đủ.

b) Quan hệ làm việc giữa HĐQT và Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thông báo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc để triển khai và đôn đốc thi hành.
- Chủ tịch HĐQT có thể mời Tổng Giám đốc tham dự cuộc họp HĐQT nếu cần thiết. Tổng Giám đốc có quyền phát biểu, nêu ý kiến, đề xuất nhưng không được quyền biểu quyết.

c) Quan hệ làm việc giữa Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

- Các báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT phải được gửi đồng thời tới thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - Tổng Giám đốc có thể mời Ban kiểm soát tham dự cuộc họp của Công ty nếu thấy cần thiết.
 - Tổng Giám đốc phải tạo điều kiện để Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, hồ sơ lưu trữ của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 6.2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

Hàng năm, HĐQT họp và đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát theo nhiệm vụ được phân công. Trên cơ sở bảng đánh giá, HĐQT sẽ đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có) trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 07 năm 2022.

Trong quá trình thực hiện, Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung của Quy chế cho phù hợp với thực tế và đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty vào từng thời điểm.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐỖ HỮU HẠ

DỰ THẢO



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
HOÀNG HUY**

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2022

Mục Lục

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	4
Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	11
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	12
Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	14
Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	16
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	16
Điều 18. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	16
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	18
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	18
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	19
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	19

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2022

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/07/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy bao gồm các nội dung sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thông báo với công ty để thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có ít nhất là năm (5) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập được quy định cụ thể tại Điều lệ công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin

của Công ty và các quy chế khác trừ các quy chế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu

rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên..

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 07 năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐÓ HỮU HẠ

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
HOÀNG HUY**

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2022



MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	4
Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	5
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	5
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	6
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Chương III: BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	8
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	9
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	11
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	11
Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	12
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	12
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	13
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	14
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	14
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 22. Hiệu lực thi hành	15

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2022

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/07/2022

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy bao gồm các nội dung sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy chế này, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu

cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp, trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 07 năm 2022.

TM. BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ TƯƠI



TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH).

Với nhu cầu phát triển giai đoạn mới, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về việc cùng cổ đội ngũ ban điều hành, lựa chọn các nhân sự phù hợp, chuyên môn cao đảm nhiệm công tác quản trị điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công tác miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc là thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, HĐQT xin báo cáo ĐHCĐ để biết và thông qua.

Hội đồng Quản trị kính trình việc miễn nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật đương nhiệm là bà Trần Thị Hoàng Hà. Đồng thời, bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật đối với:

Bà: Hoàng Thị Huyền

CMND: 030986819 Ngày cấp: 21/10/2009 Nơi cấp: Công an thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 44 Đông Hải, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Sơ yếu lý lịch cá nhân của Bà Hoàng Thị Huyền được kèm tờ trình này.

HĐQT thực hiện ký ban hành Quyết định bổ nhiệm đối với bà Hoàng Thị Huyền.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Mẫu 02: Sơ yếu Lý lịch ứng viên

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên: Hoàng Thị Huyền
- Ngày tháng năm sinh: 19/08/1979
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 030986819 cấp ngày: 21/10/2009 tại: Công an thành phố Hải Phòng
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Sơn, An Lão, Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Số 44 Đông Hải, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
- Nơi ở hiện tại: SN 4/60/132 An Đà, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Chức vụ hiện nay: Giám đốc kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy
- Liên hệ: 02253610021
- Email : info@hoanghuy.vn
- Trình độ văn hóa: 12/12

2. Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
1996-1999	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Cử nhân chuyên ngành ngân hàng

3. Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
2000 -2007	Nhân viên kế toán	Công ty Tradimexco Hải Phòng
2008- 2015	Nhân viên kế toán	Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy

2016-2017	Trưởng phòng kinh doanh	Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy
2018- nay	Giám đốc kinh doanh	Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy
Tháng 4/2015-5/2022	Giám đốc	Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang

▪ Khen thưởng, kỷ luật (nếu có):

4. Quan hệ gia đình

(Kê khai các mối quan hệ gia đình trực hệ: Cha ruột, Cha nuôi, Mẹ ruột, Mẹ nuôi, Vợ/Chồng, Anh/Chị/Em ruột, Con ruột, Con nuôi)

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCC D/Hộ chiếu	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
1	Hoàng Văn Thành	Bố đẻ	01/02/1946	0310046000971	Hưu trí	
2	Nguyễn Thị Na	Mẹ đẻ	02/02/1958	030582873	Hưu trí	
3	Phạm Trọng Phong	Chồng	13/02/1975	030995729	Nhân viên VP	Công ty chế tạo máy HongYuan HP VN
4	Hoàng Hữu Bách	Anh trai	15/07/1977	031077004376	Công nhân	Công ty Cấp nước HP
5	Phạm Trọng Hoàng Cường	Con	01/03/2003	031203003048	Sinh viên	Trường ĐHSP HN 2
6	Phạm Trọng Hoàng Đạt	Con	17/08/2007	031207012448	Học sinh	Trường THCS Ngô Quyền

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2022

Ứng cử viên


Hoàng Thị Huyền

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn tổ chức kiểm toán năm 2022)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;
- Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2022 như sau:

1. Yêu cầu đối với Công ty Kiểm toán

- Là tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán trong năm 2022;
- Là Công ty Kiểm toán có kinh nghiệm và uy tín trong công tác kiểm toán cho các Công ty niêm yết.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

- Đề đảm bảo tính độc lập khách quan của Kiểm toán và không ngừng nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán, cũng như đảm bảo quá trình lựa chọn Công ty Kiểm toán được kỹ càng;
- Nhằm lựa chọn được Công ty kiểm toán đáp ứng yêu cầu của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy với giá cả cạnh tranh.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc: Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC trong năm tài chính 2022. Các công ty kiểm toán theo danh sách đều là các công ty nằm trong danh sách Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022.

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
3. Công ty TNHH PWC (Việt Nam)
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
5. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC)
6. Công ty TNHH KPMG (KPMG)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./..

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu TH.



TỜ TRÌNH

(V/v: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch Vụ Tài chính Hoàng Huy

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội cổ đông về thù lao các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính 2021 như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao, thu nhập được hưởng (đồng/người/năm)
I. Thù lao của Hội đồng Quản trị			
1	Đỗ Hữu Hạ (*)	Chủ tịch HĐQT	42.000.000
2	Nguyễn Thị Hà	Thành viên HĐQT	30.000.000
3	Đỗ Hữu Hưng	Thành viên HĐQT	30.000.000
4	Vũ Trọng Long	Thành viên HĐQT	30.000.000
5	Phan Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT	30.000.000
6	Phạm Hồng Dung	Thành viên HĐQT	30.000.000
II. Thù lao của Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Tươi	Trưởng BKS	30.000.000
2	Phan Thị Thu Hương	Thành viên BKS	18.000.000
3	Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên BKS	18.000.000
III. Thu nhập Ban Tổng Giám đốc			
1	Trần Thị Hoàng Hà	Tổng Giám đốc	325.595.064



STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao, thu nhập được hưởng (đồng/người/năm)
2	Hồ Thị Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	112.500.000
3	Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc	210.000.000
4	Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc	112.500.000
5	Đỗ Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc	329.820.000
6	Phùng Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	299.030.000

(*): Ngoài thù lao HĐQT này, ông Đỗ Hữu Hạ còn có tiền lương là 235.350.000 đồng từ Hợp đồng lao động đã hết hiệu lực vào ngày 31/12/2021.

HĐQT cũng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua mức thù lao cho các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc năm 2022. Mức thù lao, tiền lương như sau:

- Hội đồng quản trị:

Đơn vị: đồng		
STT	Đối tượng	Mức thù lao/người/năm
1	Chủ tịch HĐQT	42.000.000
2	Thành viên HĐQT	30.000.000

- Ban Kiểm soát:

Đơn vị: đồng		
STT	Đối tượng	Mức thù lao/người/năm
1	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000
2	Thành viên ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	18.000.000

- Ban Tổng Giám đốc:** Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Có thể thay đổi theo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và sẽ được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, TGD, BKS;
- Lưu TH.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về một số nội dung liên quan đến miễn nhiệm và bầu lại thành viên Hội đồng quản trị TCH nhiệm kỳ 2022-2026, cụ thể như sau:

- Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Thông qua việc tiến hành bầu 05 thành viên Hội đồng quản trị trong đó có 01 thành viên Độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TH.



Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY NHIỆM KỲ 2022-2026

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

I. Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức, tiến hành thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Bầu thành viên Hội đồng Quản trị (TV. HĐQT) nhiệm kỳ 2022- 2026 của Công ty.

II. Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (“Đại hội”) tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2026 theo các quy định sau:

Điều 1. Quyền bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt ngày 06/06/2022.

Điều 2. Nguyên tắc bầu Thành viên HĐQT



1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu nhân với tổng số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A có 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Tổng số phiếu bầu của Cổ đông Nguyễn Văn A là $10.000 \times [\text{số thành viên cần bầu}]$.

2. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông sẽ thực hiện việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị thông qua Hệ Thống Trực Tuyến bằng cách Bỏ Phiếu Điện Tử.

Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể (1) dồn toàn bộ tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng viên cụ thể; hoặc (2) phân phối số phiếu bầu của mình cho các ứng viên được chọn theo từng số phiếu cụ thể; hoặc (3) phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cũng có thể phân phối một phần tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào khác. Các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện việc phân phối phiếu bầu của mình cho ứng viên theo các hướng dẫn cụ thể được mô tả trên Hệ Thống Trực Tuyến và/hoặc bởi Trưởng Ban Kiểm phiếu.

3. Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ sẽ dựa vào số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ. Trong đó, các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập theo quy định (tối thiểu là 1 người), việc chọn các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại).

4. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.

5. Trong trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị:

(i) Nếu các ứng viên đó đồng thời là Cổ Đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.

(ii) Nếu các ứng viên không phải là Cổ Đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng Quản trị nhiều hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp có cùng số nhiệm kỳ thì người có số năm đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị lâu hơn sẽ được chọn.

(iii) Trường hợp không thể chọn được ứng cử viên theo các tiêu chí (i) và (ii) nêu trên, Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn ứng viên có số phiếu cao nhất.

Điều 3. Thời điểm thực hiện bầu cử:

Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện bầu cử

(i) từ Thời Điểm Mở Hệ Thống Trực Tuyển đến trước thời điểm khai mạc Đại Hội Trực Tuyển; hoặc

(ii) trực tiếp tại Đại Hội Trực Tuyển (bắt đầu từ thời điểm khai mạc cuộc họp cho đến khi kết thúc phiên biểu quyết và bầu cử theo thông báo của Chủ tọa).

Điều 4. Kiểm tra và thông báo kết quả bầu cử

1. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản kiểm phiếu bầu cử. Biên bản kiểm phiếu bầu cử được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Biên bản kiểm phiếu bầu cử phải ghi rõ các nội dung sau:

- Tên và tổng số phiếu bầu cho từng ứng cử viên.
- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã trúng cử cho nhiệm kỳ mới (2022-2026).

2. Trưởng Ban kiểm phiếu thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử trước ĐHĐCĐ.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nhiệm kỳ 2022-2026 này gồm 5 Điều, được đăng tải công khai trên website của Công ty và hệ thống tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến, chỉ có hiệu lực tại kỳ Đại hội đồng cổ đông lần này.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ ;
- HĐQT, HĐQT, BGĐ ;
- Lưu TH.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Hữu Hạ

